

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ TƯ PHÁP



SỔ TAY
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT
CHO CÁN BỘ CÔNG TÁC
MẶT TRẬN Ở CƠ SỞ

Tháng 10/2021

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện Kế hoạch phối hợp số 51/KHPH-STP-MTTQ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa Sở Tư pháp và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang về việc phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021;

*Để góp phần chuyển tải các nội dung quy định pháp luật đi vào cuộc sống; giúp cho người đọc có thể vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống xảy ra trong đời sống - xã hội và đồng thời để nâng cao kiến thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác mặt trận ở cơ sở, Sở Tư pháp tỉnh An Giang biên soạn Sổ tay “**Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ công tác mặt trận ở cơ sở**”.*

Sổ tay gồm có hai phần:

- Phần 1: Một số vấn đề cơ bản của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và thực hiện Dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

- Phần 2: Một số tình huống pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu bia; hôn nhân và gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình; tín ngưỡng, tôn giáo; dân sự; phòng, chống tệ nạn xã hội và an toàn giao thông.

Chúng tôi hy vọng rằng cuốn Sổ tay sẽ là tài liệu bổ ích, trang bị những kiến thức pháp luật cơ bản nhất đến bạn đọc, nhất là các Trưởng Ban Công tác mặt trận; Trưởng, Phó khóm, ấp... qua đó, sẽ góp phần nâng cao vai trò quản lý, giám sát, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của cán bộ làm công tác mặt trận trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình biên soạn Sổ tay, mặc dù chúng tôi đã có rất nhiều cố gắng nhưng chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc về nội dung và hình thức của tài liệu này để hoàn chỉnh tốt hơn khi phát hành lần sau.

Xin trân trọng cảm ơn!

SỞ TƯ PHÁP TỈNH AN GIANG

PHẦN I:
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG
THAM NHŨNG VÀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

CHUYÊN ĐỀ 1:
PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Một số thuật ngữ theo Luật Phòng, chống tham nhũng (Điều 3)

Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.

Tài sản tham nhũng, là tài sản có được từ tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng.

Những nhiễu là hành vi của quyền, hách dịch, đòi hỏi, gây khó khăn, phiền hà của người có chức vụ, quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

Vụ lợi là việc người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng.

Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm:

- a) Cán bộ, công chức, viên chức;
- b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;
- c) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- d) Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức;
- đ) Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

2. Các hành vi tham nhũng theo Luật Phòng, chống tham nhũng (Điều 2)

1. Các hành vi tham nhũng trong khu vực Nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, khu vực nhà nước thực hiện bao gồm:

- a) Tham ô tài sản;
- b) Nhận hối lộ;
- c) Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;
- đ) Lạm quyền trong thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;
- e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi;

- g) Giả mạo trong công tác vì vụ lợi;
- h) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi;
- i) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi;
- k) Những nhiễu vì vụ lợi;
- l) Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ vì vụ lợi;
- m) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

2. Các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện bao gồm:

- a) Tham ô tài sản;
- b) Nhận hối lộ;
- c) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

3. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tham nhũng (Điều 5)

1. Công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng và được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật; có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Công dân có nghĩa vụ hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phòng, chống tham nhũng.

4. Phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng (Điều 65)

1. Cá nhân, tổ chức có quyền phản ánh về hành vi tham nhũng, cá nhân có quyền tố cáo về hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền khi nhận được phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng phải xem xét, xử lý kịp thời và áp dụng các biện pháp bảo vệ người phản ánh, tố cáo.

3. Việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

4. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp công dân.

5. Báo cáo và xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 66)

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang khi phát hiện hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình công tác thì phải báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; trường hợp

người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến hành vi tham nhũng thì phải báo cáo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo về hành vi tham nhũng, người được báo cáo phải xử lý vụ việc theo thẩm quyền hoặc chuyển cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý và thông báo cho người báo cáo biết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày; trường hợp cần thiết thì người được báo cáo quyết định hoặc đề nghị người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng và bảo vệ người báo cáo.

6. Bảo vệ người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 67)

1. Việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

2. Người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng được áp dụng các biện pháp bảo vệ như bảo vệ người tố cáo.

7. Trách nhiệm của người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 69)

1. Người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của nội dung phản ánh, báo cáo.

2. Người tố cáo hành vi tham nhũng phải chịu trách nhiệm về việc tố cáo của mình theo quy định của Luật Tố cáo.

8. Những biện pháp để phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Chương II của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định những nội dung phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, tóm tắt như sau:

1. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 10, Điều 11)

a) Nội dung công khai, minh bạch

- Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;

- Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;

- Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;

- Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch quy định tại khoản 1 Điều này còn phải công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.

b) Hình thức công khai bao gồm:

- Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;
- Phát hành ấn phẩm;
- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;
- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; Tổ chức họp báo;
- Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Xây dựng, ban hành và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ (Điều 18)
- Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ (Điều 19)

3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn (Điều 20)
- Thảm quyền ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 21)
- Tặng quà và nhận quà tặng (Điều 22)
- Kiểm soát xung đột lợi ích (Điều 23)

4. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác (Điều 24)
- Vị trí công tác và thời hạn phải định kỳ chuyển đổi (Điều 25)

5. Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

- Cải cách hành chính (Điều 27)
- Ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý (Điều 28)
- Thanh toán không dùng tiền mặt (Điều 29)

6. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (Điều 33)

Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên theo quy định của Luật này.

Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập.

b) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (Điều 34)

- Cán bộ, công chức.
- Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp.
- Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

c) Tài sản, thu nhập phải kê khai (Điều 35)

- Tài sản, thu nhập phải kê khai bao gồm:
 - Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;
 - Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;
 - Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;
 - Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

d) Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập (Điều 39)

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc.

- Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

- Bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được công khai theo quy định của pháp luật về bầu cử.

- Bản kê khai của người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được công khai với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi bầu, phê chuẩn. Thời điểm, hình thức công khai được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

đ) Theo dõi biến động tài sản, thu nhập (Điều 40)

Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo dõi biến động về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai thông qua phân tích, đánh giá thông tin từ bản kê khai hoặc từ các nguồn thông tin khác.

Trường hợp phát hiện tài sản, thu nhập có biến động từ 300.000.000 đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai không kê khai thì Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có quyền yêu cầu người đó cung cấp, bổ sung thông tin có liên quan; trường hợp tài sản, thu nhập có biến động tăng thì phải giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

9. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng (Điều 70)

1. Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này.
2. gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh.
3. Chịu trách nhiệm khi đề xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Luật này.

10. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận (Điều 74)

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm sau đây:
 - a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; phản biện xã hội, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; kiến nghị việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng;
 - b) Động viên Nhân dân tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng;
 - c) Cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng;
 - d) Giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, xác minh vụ việc tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng, kiến nghị việc bảo vệ, khen thưởng người có công phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, trả lời trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, kiến nghị; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn trả lời có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

CHUYÊN ĐỀ 2

PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

11. Sơ lược về Pháp lệnh Dân chủ xã, phường, thị trấn

Pháp lệnh thực hiện Dân chủ ở xã, phường, thị trấn (Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11) là một văn bản pháp luật được Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XI thông qua vào ngày 20 tháng 4 năm 2007 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2007, được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam ra Lệnh công bố trên toàn quốc. Đây là văn bản quy định về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và là văn bản pháp lý quan trọng nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân ở xã, phường, thị trấn. Tính đến nay Pháp lệnh là văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất (không kể Hiến pháp Việt Nam) quy định về vấn đề dân chủ ở cấp xã.

12. Phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh Dân chủ ở xã, phường, thị trấn

Pháp lệnh này quy định những nội dung phải công khai để nhân dân biết; những nội dung nhân dân bàn và quyết định; những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; những nội dung nhân dân giám sát; trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), của cán bộ thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố (sau đây gọi chung là tổ dân phố), của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và của nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

13. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

1. Bảo đảm trật tự, kỷ cương, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.
2. Bảo đảm quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định, thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.
3. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
4. Công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dân chủ ở cấp xã.
5. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.
2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.
3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận ở cấp xã có trách nhiệm giám sát việc thực hiện và tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện dân chủ ở cấp xã.

15. Những nội dung công khai để dân biết.

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã.

2. Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

5. Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh 34.

9. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

10. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

11. Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

16. Những hình thức công khai các nội dung để dân biết.

a) Niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã;

c) Công khai thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân.

- Chính quyền cấp xã có thể áp dụng đồng thời nhiều hình thức công khai quy định tại khoản 1 Điều 6 của Pháp lệnh 34; thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 32 của Luật phòng, chống tham nhũng.

17. Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

18. Hình thức nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

1. Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp những nội dung quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh 34 bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

b) Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

2. Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; *hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định*; nếu số người tán thành *chưa đạt quá 50%* tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã thì *tổ chức lại* cuộc họp.

3. Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

19. Giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp.

1. Những nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp (Câu 7), nếu có *trên 50%* tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã *tán thành* thì có giá trị thi hành.

2. Nhân dân có trách nhiệm chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

3. Chính quyền cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình *chưa tán thành* trong việc thực hiện những quyết định đã có giá trị thi hành.

20. Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết.

1. Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

21. Giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn, biểu quyết

1. Đối với *Hương ước, quy ước* của thôn, tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành sau khi Ủy ban nhân dân *cấp huyện* ra quyết định công nhận.

2. Đối với bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành sau khi *UBND cấp xã* ra quyết định công nhận.

3. Đối với bầu, bãi nhiệm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì có giá trị thi hành sau khi được *Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã* công nhận.

22. Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.

2. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.

3. Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.

4. Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

5. Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

23. Hình thức để nhân dân tham gia ý kiến.

1. Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố.

2. Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

3. Thông qua hòm thư góp ý.

24. Những nội dung nhân dân giám sát.

Nhân dân thực hiện giám sát đối với những nội dung chính quyền phải công khai để cho dân biết (Câu 7); Những nội dung dân bàn và quyết định trực tiếp (Câu 9); Những nội dung dân bàn và biểu quyết (Câu 10) và những nội dung dân tham gia ý kiến (Câu 13).

25. Nhân dân thực hiện giám sát thông qua các hình thức như sau:

1. Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra năm 2010 và Nghị định 159/2016/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nhân dân được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2018 và các văn bản pháp luật liên quan.

26. Trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận ở cấp xã có trách nhiệm giám sát việc thực hiện và tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện dân chủ ở cấp xã.

PHẦN II: MỘT SỐ TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT

CHUYÊN ĐỀ 1: PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA RƯỢU BIA

Tình huống 1. Một số người nhà bệnh nhân đang điều trị tại bệnh viện X thời gian rảnh rỗi thường xuyên tụ tập tại sảnh bệnh viện để uống rượu, bia. Nhiều người cho rằng, bệnh viện là nơi khám chữa bệnh không phải là địa điểm để uống rượu, bia. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia quy định vấn đề này như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 10, Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019, địa điểm không uống rượu, bia gồm có:

1. Cơ sở y tế.
2. Cơ sở giáo dục trong thời gian giảng dạy, học tập, làm việc.
3. Cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi.
4. Cơ sở cai nghiện, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở giam giữ phạm nhân và cơ sở giam giữ khác.
5. Cơ sở bảo trợ xã hội.
6. Nơi làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong thời gian làm việc, trừ địa điểm được phép kinh doanh rượu, bia.
7. Các địa điểm công cộng theo quy định của Chính phủ.

Như vậy, theo quy định trên, việc uống rượu, bia tại bệnh viện là trái với quy định của Luật.

Tình huống 2. Công ty bia rượu, nước giải khát X vừa ra mắt một loại rượu mới có độ cồn dưới 5,5 độ. Để giới thiệu sản phẩm này trong giới trẻ, công ty muốn thực hiện quảng cáo tại một trại hè dành cho học sinh, tuy nhiên, việc này đã vấp phải sự phản đối của cha mẹ học sinh. Việc quảng cáo của công ty X là đúng hay sai?

Trả lời:

Theo Điều 12, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, quản lý việc quảng cáo rượu, bia có độ cồn dưới 5,5 độ được quy định như sau:

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện quảng cáo rượu, bia phải tuân thủ các quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật về quảng cáo.

2. Quảng cáo không thể hiện các nội dung sau đây:

a) Có thông tin, hình ảnh nhằm khuyến khích uống rượu, bia; thông tin rượu, bia có tác dụng tạo sự trưởng thành, thành đạt, thân thiện, hấp dẫn về giới tính; hướng đến trẻ em, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai;

b) Sử dụng vật dụng, hình ảnh, biểu tượng, âm nhạc, nhân vật trong phim, nhãn hiệu sản phẩm dành cho trẻ em, học sinh, sinh viên; sử dụng người chưa đủ 18 tuổi hoặc hình ảnh của người chưa đủ 18 tuổi trong quảng cáo rượu, bia.

3. Không thực hiện quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo trong trường hợp sau đây:

a) Sự kiện, phương tiện quảng cáo, sản phẩm dành cho người chưa đủ 18 tuổi, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai;

b) Phương tiện giao thông;

c) Báo nói, báo hình ngay trước, trong và ngay sau chương trình dành cho trẻ em; trong thời gian từ 18 giờ đến 21 giờ hằng ngày, trừ trường hợp quảng cáo có sẵn trong các chương trình thể thao mua bản quyền tiếp sóng trực tiếp từ nước ngoài và trường hợp khác theo quy định của Chính phủ;

d) Phương tiện quảng cáo ngoài trời vi phạm quy định về kích thước, khoảng cách đặt phương tiện quảng cáo tính từ khuôn viên của cơ sở giáo dục, cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi.

4. Quảng cáo phải có cảnh báo để phòng, chống tác hại của rượu, bia.

5. Quảng cáo trên báo điện tử, trang thông tin điện tử, phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và thiết bị viễn thông khác phải có hệ thống công nghệ chặn lọc, phần mềm kiểm soát tuổi của người truy cập để ngăn ngừa người chưa đủ 18 tuổi tiếp cận, truy cập, tìm kiếm thông tin về rượu, bia.

6. Chính phủ quy định chi tiết điểm d khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Như vậy, theo khoản 3, Điều 12 việc quảng cáo của công ty X tại sự kiện dành cho học sinh như vậy là trái với quy định của Luật.

Tình huống 3. Khu vui chơi trẻ em đóng tại địa bàn quận X thu hút rất nhiều khách tới vui chơi, giải trí, nhất là vào những ngày cuối tuần. Một số cửa hàng tại đây ngoài bày bán các sản phẩm đồ chơi, đồ dùng học tập còn bán cả rượu, bia, bánh kẹo. Một số phụ huynh cho rằng, việc bày bán rượu, bia tại địa điểm vui chơi dành cho trẻ em là không phù hợp. Nhận định này đúng hay sai?

Trả lời:

Theo Điều 19, Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019, địa điểm không bán rượu, bia gồm có:

1. Cơ sở y tế.
2. Cơ sở giáo dục.
3. Cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi.
4. Cơ sở cai nghiện, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở giam giữ phạm nhân và cơ sở giam giữ khác.
5. Cơ sở bảo trợ xã hội.
6. Nơi làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, trừ địa điểm được phép kinh doanh rượu, bia.

Như vậy, quan điểm của phụ huynh là đúng vì việc bán rượu, bia tại khu vui chơi, giải trí cho trẻ em (dưới 18 tuổi) là trái với quy định của pháp luật.

Tình huống 4. Cửa hàng bán bia hơi trong khuôn viên nhà của ông A kinh doanh rất tốt, nhất là vào dịp mùa hè nắng nóng. Khách đến uống bia ngồi chật kín các bàn, nhân viên trong quán phải phục vụ luôn chân luôn tay. Để tăng lợi nhuận kinh doanh, ông A bàn bạc với vợ tuyển dụng thêm một số thanh, thiếu niên trong xóm để phục vụ bàn và giới thiệu loại bia mới của hãng để nhận hoa hồng. Tuy nhiên, vợ ông A e ngại cho rằng, không được sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc kinh doanh, quảng cáo rượu, bia. Trong trường hợp này, ý kiến của vợ ông A có chính xác hay không? Pháp luật quy định về trách nhiệm của cơ sở kinh doanh rượu, bia như thế nào?

Trả lời:

Trách nhiệm của cơ sở kinh doanh rượu, bia được quy định tại Điều 32 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, gồm:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh rượu, bia; về quảng cáo, khuyến mại, tài trợ, an toàn thực phẩm, chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, ghi nhãn hàng hóa đối với rượu, bia. Thông tin về sản phẩm rượu, bia phải bảo đảm chính xác, khoa học.
- Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về hoạt động kinh doanh của cơ sở theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Không sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc kinh doanh, quảng cáo rượu, bia.
- Thu hồi và xử lý rượu, bia không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm do cơ sở mình sản xuất, mua bán theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.
- Cơ sở bán rượu, bia phải niêm yết thông báo không bán rượu, bia cho người chưa đủ 18 tuổi. Trường hợp nghi ngờ về độ tuổi của người mua rượu, bia thì người bán có quyền yêu cầu người mua xuất trình giấy tờ chứng minh.

- Cơ sở bán rượu, bia tiêu dùng tại chỗ nhắc nhở và có hình thức thông tin phù hợp đối với khách hàng về việc không điều khiển phương tiện giao thông, hỗ trợ khách hàng thuê, sử dụng phương tiện giao thông công cộng sau khi uống rượu, bia.

- Kể từ ngày Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia năm 2019 có hiệu lực (vào ngày 01/01/2020), không được mở mới điểm bán rượu, bia để tiêu dùng tại chỗ trong bán kính 100 m tính từ khuôn viên của cơ sở y tế, nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.

Như vậy, căn cứ vào quy định nêu trên, ý kiến của vợ ông A là hoàn toàn chính xác. Pháp luật nghiêm cấm không sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc kinh doanh, quảng cáo rượu, bia.

Tình huống 5. Em H (14 tuổi) là học sinh trường THCS X thường xuyên tụ tập uống rượu với một số học sinh cá biệt ở cổng trường sau giờ tan học. Bạn bè trong lớp khuyên nhủ, nói với H rằng đây là hành vi bị nghiêm cấm, nhưng H không nghe vì cho rằng uống rượu bia là sở thích nên ai cũng có thể uống. Nhận định này đúng hay sai?

Trả lời:

Theo khoản 2, Điều 5, Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia năm 2019, “Người chưa đủ 18 tuổi uống rượu, bia” là một trong những hành vi mà Luật nghiêm cấm thực hiện.

Do đó, nhận định trên của H là sai.

Tình huống 6. Nhận thấy thị trường tiêu thụ rượu ở địa phương có rất nhiều tiềm năng nên anh S muốn thành lập doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp có độ cồn từ 5,5 độ trở lên. Theo anh S tìm hiểu, thì doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp phải đáp ứng những điều kiện nhất định. Cụ thể đó là những điều kiện gì?

Trả lời:

Theo khoản 1, Điều 15, Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019 điều kiện cấp phép sản xuất rượu công nghiệp có độ cồn từ 5,5 độ lên gồm có:

- a) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Có dây chuyền máy móc, thiết bị công nghiệp, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất;
- c) Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- d) Có nhân viên kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

Tình huống 7. Gia đình chị H có truyền thống nấu rượu men lá thủ công từ nhiều năm nay. Việc nấu rượu không nhằm mục đích kinh doanh

mà để phục vụ nhu cầu tiêu thụ của gia đình vào các dịp giỗ chạp, hiếu, hỷ. Tuy nhiên, để quản lý việc sản xuất rượu thủ công của gia đình chị H sẽ phải thực hiện thủ tục gì?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 17 Luật phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định:

Hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công không nhằm mục đích kinh doanh phải có bản kê khai gửi Ủy ban nhân dân cấp xã về lượng rượu được sản xuất, phạm vi sử dụng, cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm và không bán rượu ra thị trường theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định. Việc kê khai không phải nộp phí, lệ phí.

Như vậy, gia đình chị H sẽ phải thực hiện thủ tục theo quy định nêu trên.

Tình huống 8. Ông T (50 tuổi) là người làng X nghiện rượu đã nhiều năm nay. Mỗi lần say rượu, ông T gây gỗ, chửi bới hàng xóm, gây ảnh hưởng đến trật tự của làng. Có thể áp dụng biện pháp phòng ngừa tác hại của rượu, bia tại cộng đồng nào trong trường hợp của ông T?

Trả lời:

Theo Điều 24, Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019, có các biện pháp sau đây để phòng ngừa tác hại của rượu, bia tại cộng đồng:

1. Tuyên truyền, vận động các gia đình, thành viên thuộc tổ chức, cộng đồng tham gia tuyên truyền và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.

2. Lồng ghép hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia vào các phong trào, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, xây dựng đời sống văn hóa và hoạt động khác tại cộng đồng.

3. Vận động, khuyến khích quy định trong hương ước, quy ước việc hạn chế hoặc không uống rượu, bia tại đám cưới, đám tang, lễ hội trên địa bàn dân cư.

4. Vận động cá nhân, tổ chức không sử dụng sản phẩm rượu, bia không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chưa được kiểm nghiệm an toàn thực phẩm.

5. Phát hiện, phản ánh người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia để cảnh báo, phòng ngừa, xử lý hành vi gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Như vậy, đối với trường hợp của ông T để phòng ngừa tác hại của rượu, bia tại cộng đồng, có thể áp dụng biện pháp "...phản ánh người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia để cảnh báo, phòng ngừa, xử lý hành vi gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội" (theo khoản 5).

Tình huống 9. Anh H là công chức xã C thường xuyên có hành vi uống rượu, gây gỗ đánh nhau với đồng nghiệp trong giờ làm việc. Dù đơn vị đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh H vẫn tái phạm vì cho rằng việc anh

uống rượu cùng lắm chỉ bị kỷ luật mà không thể bị xử lý bằng các hình thức khác. Quan điểm của anh H như vậy đúng hay sai?

Trả lời:

Theo Điều 28, Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019, việc xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia được quy định như sau:

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện, xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.

3. Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong phòng, chống tác hại của rượu, bia.

Như vậy, trường hợp của anh H thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia, anh H có thể bị xử lý kỷ luật xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tình huống 10. Ông B là người nghiện rượu bia và luôn cho rằng “Nam vô tửu như cò vô phong, nghĩa là cò mà không có gió thì là cò rử, buồn lắm. Đàn ông mà không biết uống rượu bia thì gọi gì là đàn ông, sống để làm gì..”. Đặc biệt gần đây, khi về hưu, mặc dù tuổi cao nhưng do nhiều thời gian rảnh rỗi, bữa cơm nào ông cũng phải uống đến cả chai rượu nhỏ nên sức khỏe ngày càng giảm sút. D là con trai của ông B rất lo lắng cho bố và muốn biết rõ hơn trách nhiệm của gia đình trong phòng, chống tác hại của rượu bia?

Trả lời:

Trách nhiệm của gia đình trong phòng, chống tác hại của rượu, bia được quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, cụ thể:

- Giáo dục, giám sát, nhắc nhở thành viên chưa đủ 18 tuổi không uống rượu, bia, các thành viên khác trong gia đình hạn chế uống rượu, bia; động viên, giúp đỡ người nghiện rượu, bia trong gia đình cai nghiện rượu, bia.

- Hướng dẫn các thành viên trong gia đình kỹ năng từ chối uống rượu, bia; kỹ năng nhận biết, ứng xử, xử trí khi gặp người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia và thực hiện các biện pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Tham gia với các cơ quan, tổ chức và cộng đồng thực hiện phòng, chống tác hại của rượu, bia.

CHUYÊN ĐỀ 2: PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VÀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Tình huống 11. Chị Xuân lấy anh Hậu được một năm nhưng chưa có con chung. Do bị cha mẹ cưỡng ép kết hôn nên chị Xuân sống với anh Hậu không có hạnh phúc. Anh chị thường xuyên có mâu thuẫn với nhau và không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến chị Xuân nhiều lần bị căng thẳng và muốn ly hôn. Chị Xuân muốn hỏi, trường hợp của chị có thể tự mình yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn của mình không? Pháp luật quy định những cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật?

Trả lời:

Theo Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật được quy định như sau:

1. Người bị cưỡng ép kết hôn, bị lừa dối kết hôn, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cá nhân, tổ chức khác yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình: “*Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định*”.

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 8 về điều kiện kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình:

- Vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác; cha, mẹ, con, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác của người kết hôn trái pháp luật;

- Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình;

- Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em;

- Hội Liên hiệp phụ nữ.

3. Cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khi phát hiện việc kết hôn trái pháp luật thì có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp phụ nữ) yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Do chị Xuân bị cha mẹ cưỡng ép kết hôn nên theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, chị Xuân có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Hội Liên hiệp phụ nữ ở địa phương yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Tình huống 12. Đã lập gia đình được hơn sáu năm, nhưng đến nay chị Minh vẫn chưa có con mặc dù đã chạy chữa khắp nơi. Khi nghe đài, chị Minh được biết pháp luật có cho phép mang thai hộ. Chị đã bàn với chồng tính chuyện nhờ người em họ mang thai hộ. Đề nghị cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc mang thai hộ, trường hợp của chị Minh có được phép nhờ người khác mang thai hộ hay không?

Trả lời:

Mang thai hộ là điểm mới rất quan trọng thể hiện ý nghĩa nhân đạo, nhân văn trong chính sách hôn nhân - gia đình của Đảng, Nhà nước ta, đã được luật hóa trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp người vợ không có khả năng mang thai, khả năng sinh con cũng có quyền nhờ người khác mang thai hộ. Pháp luật quy định rõ ràng mục đích, điều kiện để thực hiện việc mang thai hộ.

Theo đó, mang thai hộ chỉ được thực hiện vì một mục đích duy nhất, đó là mục đích nhân đạo. Đồng thời, việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phải đáp ứng được những điều kiện nhất định theo quy định tại Điều 95 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

“1. Việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên và được lập thành văn bản.

2. Vợ chồng có quyền nhờ người mang thai hộ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;

b) Vợ chồng đang không có con chung;

c) Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

3. Người được nhờ mang thai hộ phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ;

b) Đã từng sinh con và chỉ được mang thai hộ một lần;

c) Ở độ tuổi phù hợp và có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về khả năng mang thai hộ;

d) Trường hợp người phụ nữ mang thai hộ có chồng thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng;

đ) Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

4. Việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo không được trái với quy định của pháp luật về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

Như vậy, chị Minh có thể tính tới chuyện nhờ người khác mang thai hộ nhưng chị phải đảm bảo đáp ứng được điều kiện, mục đích của việc mang thai hộ theo các quy định nêu trên.

Tình huống 13. Do nghi ngờ vợ ngoại tình với một đồng nghiệp ở cơ quan, trong những lần hai vợ chồng cãi nhau, anh Sang thường nói to cho bà con xung quanh nghe thấy. Không chịu nổi cách hành xử của chồng, vợ anh đã bỏ về nhà bố, mẹ để sống ly thân, anh Sang còn viết thư nặc danh gửi đến cơ quan vợ, photo, phát tán thư ở khu dân cư nơi vợ chồng anh cư trú nhằm hạ thấp danh dự, nhân phẩm của chị. Hành vi nêu trên của anh Sang có vi phạm pháp luật hay không? Nếu có sẽ bị pháp luật xử lý như thế nào?

Trả lời:

Hành vi nói xấu vợ với những người xung quanh, phát tờ rơi nói xấu bôi nhọ danh dự vợ của anh Sang là hành vi cố ý xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2007.

Hành vi này bị xử phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 51 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Ngoài ra, anh còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo khoản 3 Điều 51 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, buộc anh phải xin lỗi công khai khi vợ anh có yêu cầu; thu hồi thư anh đã phát tán.

Tình huống 14. Anh Nhu và chị Vi cùng tốt nghiệp đại học và làm việc chung trong một Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian học và làm việc, hai anh chị đã phát sinh tình cảm và dọn về sống chung như vợ chồng (chưa đăng ký kết hôn); toàn bộ thu nhập của anh Nhu được Công ty chuyển vào thẻ ATM của anh nên anh đưa luôn thẻ ATM của mình để chị Vi quản lý. Thời gian sau này, anh Nhu có tình cảm với một người phụ nữ khác và nhiều lần bị chị Vi phát hiện. Do vậy, chị Vi thường xuyên chửi mắng, lăng mạ và đập phá làm hư hỏng xe máy của anh Nhu; chị cũng đập vỡ điện thoại iphone của anh Nhu và kiểm soát toàn bộ thu nhập của anh làm cho anh bị lệ thuộc chị về tài chính. Trong trường hợp trên có phải là hành vi bạo lực gia đình?

Trả lời:

Các hành vi bạo lực gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. Trong đó có các hành vi sau: “lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xâm phạm danh dự, nhân phẩm”; “Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình”; “cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ;

kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính” là các hành vi trong số những hành vi bạo lực gia đình.

Ngoài ra, Khoản 2 Điều 2 của Luật này còn quy định: Các hành vi bạo lực gia đình nêu trên cũng được áp dụng đối với thành viên gia đình của vợ, chồng đã ly hôn hoặc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng.

Như vậy, đối chiếu với quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, xác định hành vi của chị Vi đối với anh Nhu là hành vi bạo lực gia đình.

Tình huống 15. Chiếc xe máy thường để chở hàng phục vụ đời sống trong gia đình là tài sản chung của vợ chồng anh Cảnh nhưng chỉ ghi tên vợ anh Cảnh trong giấy đăng ký xe. Xin hỏi, vợ anh Cảnh có được tự mình bán chiếc xe máy đó không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng trong những trường hợp sau đây:

- a) Bất động sản;
- b) Động sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu;
- c) Tài sản đang là nguồn tạo ra thu nhập chủ yếu của gia đình.

Vì vậy, mặc dù chiếc xe máy này chỉ ghi tên vợ anh Cảnh trong giấy đăng ký xe nhưng nó là tài sản chung, là nguồn tạo ra thu nhập chủ yếu của gia đình và việc quyết định bán chiếc xe máy phải có sự thỏa thuận đồng ý bằng văn bản của vợ chồng anh Cảnh. Vợ anh Cảnh có thể tự mình bán chiếc xe máy nhưng phải có sự ủy quyền của anh Cảnh.

Trong trường hợp vợ anh Cảnh tự mình bán chiếc xe máy với người thứ ba chưa được sự đồng ý, ủy quyền của anh Cảnh thì giao dịch đó vô hiệu.

Tình huống 16. Cuối năm nay Thanh dự định lập gia đình. Bố mẹ muốn tặng cho Thanh căn hộ mà ông bà đã mua để Thanh ở từ khi học đại học đến nay. Nhưng phải đợi Thanh cưới vợ xong thì mới làm thủ tục chuyển sở hữu. Biết chuyện đó, cô em họ bố Thanh khuyên hãy sang tên cho Thanh trước khi cưới. Vì có như vậy thì căn hộ đó mới thuộc sở hữu riêng của Thanh. Đề nghị cho biết thời điểm chuyển quyền sở hữu căn hộ diễn ra trước hoặc sau khi Thanh kết hôn có ảnh hưởng tới việc quyền sở hữu tài sản hay không?

Trả lời:

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ, chồng có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; tài

sản được chia riêng cho vợ, chồng theo quy định pháp luật; tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ, chồng và tài sản khác theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của vợ, chồng cũng là tài sản riêng của vợ, chồng.

Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của vợ chồng được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cụ thể:

- Vợ, chồng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình; nhập hoặc không nhập tài sản riêng vào tài sản chung.

- Trong trường hợp vợ hoặc chồng không thể tự mình quản lý tài sản riêng và cũng không ủy quyền cho người khác quản lý thì bên kia có quyền quản lý tài sản đó. Việc quản lý tài sản phải bảo đảm lợi ích của người có tài sản.

- Nghĩa vụ riêng về tài sản của mỗi người được thanh toán từ tài sản riêng của người đó.

- Trong trường hợp vợ, chồng có tài sản riêng mà hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng đó là nguồn sống duy nhất của gia đình thì việc định đoạt tài sản này phải có sự đồng ý của chồng, vợ.

Như vậy, đối với trường hợp nêu trên, thời điểm bố mẹ Thanh thực hiện chuyển quyền sở hữu nhà ở (căn hộ) cho con trai không ảnh hưởng tới việc xác định tài sản riêng, tài sản chung của vợ, chồng. Sau khi Thanh kết hôn, nếu bố mẹ Thanh muốn tặng cho riêng thì căn hộ đó được xác định là tài sản riêng của Thanh.

Tình huống 17. Liễu và Thành yêu nhau, dự định năm sau sẽ chuẩn bị đám cưới do cả hai đã gần 30 tuổi. Tuy nhiên, khi người nhà hai bên của Liễu, Thành gặp nhau thì mới vỡ lẽ là hai gia đình có quen biết nhau, Liễu là cháu ruột của thím Thành. Liễu băn khoăn không biết có thể kết hôn với Thành có vi phạm pháp luật hay không?

Trả lời:

Trường hợp của Liễu và Thành có thể kết hôn vì không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cụ thể, theo Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cấm kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

Quan hệ giữa Liễu và Thành không có cùng dòng máu về trực hệ cũng không trong phạm vi ba đời nên Liễu và Thành có thể kết hôn nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tình huống 18. Nhi (16 tuổi) sinh ra trong một gia đình nghèo, đông con. Gần đây qua mai mối, cha mẹ muốn Nhi lấy chồng là một người đàn ông ở xóm bên, tương đối thành đạt để em có cuộc sống tốt hơn và phụ giúp được kinh tế gia đình. Nhi không đồng ý thì bị cha mẹ ép buộc. Hỏi cha mẹ Nhi ép buộc em như vậy thì sẽ xử lý thế nào?

Trả lời:

Việc cha mẹ Nhi ép buộc em kết hôn với người đàn ông ở xóm bên được xem là hành vi tổ chức tảo hôn, vì Nhi chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định. Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định độ tuổi kết hôn đối với nam là từ đủ 20 tuổi và đối với nữ là từ đủ 18 tuổi trở lên.

Người có hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Theo đó, cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn; phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn.

Ngoài ra, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định tội tổ chức tảo hôn tại Điều 183. Theo đó, người có hành vi tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

Tình huống 19. Anh Bình và chị Loan dự định đi đăng ký kết hôn trước khi tổ chức lễ cưới 02 tháng. Tuy nhiên, anh chị lại có hộ khẩu thường trú ở hai nơi khác nhau. Anh chị muốn biết cần phải đến cơ quan nào để giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn, và cần thực hiện các thủ tục gì?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 1 Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014 thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ thực hiện đăng ký kết hôn. Như vậy, pháp luật không quy định cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn là nơi bên nam hay bên nữ cư trú, mà tùy thuộc vào lựa chọn của người đi đăng ký kết hôn. Anh Bình và chị Loan có quyền lựa chọn và thống nhất Ủy ban nhân dân cấp xã nơi anh hay nơi chị cư trú để đăng ký kết hôn.

Người đi đăng ký kết hôn phải có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (kể cả trường hợp chưa đăng ký kết hôn lần nào).

Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân như sau:

+ Người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nộp Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (theo mẫu quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số

điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch). Trường hợp yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nhằm mục đích kết hôn thì người yêu cầu phải đáp ứng đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ hoặc chồng đã chết thì phải xuất trình hoặc nộp giấy tờ hợp lệ để chứng minh (như Quyết định công nhận thuận tình ly hôn; Quyết định tuyên bố một người là đã chết; Giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử).

+ Xuất trình hộ chiếu/chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân và sổ hộ khẩu.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công chức Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra, xác minh tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu. Nếu người yêu cầu có đủ điều kiện, việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là phù hợp quy định pháp luật thì công chức Tư pháp - Hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký cấp 01 bản Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có yêu cầu. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị 6 tháng kể từ ngày cấp, hết thời hạn này mà cá nhân chưa sử dụng để đăng ký kết hôn và có yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thì phải nộp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó.

Thủ tục đăng ký kết hôn được quy định tại Điều 18 Luật Hộ tịch năm 2014 như sau:

- Hai bên nam, nữ nộp những giấy tờ sau cho cơ quan đăng ký hộ tịch và cùng có mặt khi đăng ký kết hôn:

+ Tờ khai đăng ký kết hôn (mẫu Tờ khai quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp). Người yêu cầu có thể xin mẫu Tờ khai này từ công chức Tư pháp – Hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;

+ Xuất trình hộ chiếu/chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân của cả hai bên;

+ Xuất trình sổ hộ khẩu của một bên nam hoặc bên nữ có nơi thường trú tại địa phương tiến hành đăng ký kết hôn.

Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ nêu trên, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn; công chức Tư pháp - Hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ.

Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.

Tình huống 20. Muốn trở thành vợ chồng, anh Cu và anh Kiên đã tổ chức đám cưới với nhau bỏ mặc lời khuyên can của gia đình, họ hàng. Sau đó cả hai có nguyện vọng đi đăng ký kết hôn. Đề nghị cho biết họ có được đăng ký kết hôn không? Pháp luật có cấm người đồng giới kết hôn không? Họ có được nhận nuôi con nuôi và đề nghị Tòa án xử cho ly hôn không?

Trả lời:

Trước đây Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính. Tuy nhiên, hiện nay, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015), quy định “Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính” (Khoản 2 Điều 8).

Như vậy, hiện nay pháp luật không cấm người cùng giới tính chung sống với nhau, nhưng cũng không thừa nhận hôn nhân giữa họ với nhau. Do vậy, nếu người cùng giới tính đề nghị Ủy ban nhân dân thực hiện đăng ký kết hôn cho họ thì Ủy ban nhân dân sẽ từ chối việc đăng ký kết hôn. Nếu những người cùng giới tính tổ chức đám cưới và sống chung với nhau thì pháp luật không cấm, nhưng giữa họ không hình thành quan hệ vợ chồng. Trường hợp họ muốn nhận con nuôi thì chỉ một người được nhận con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và người kia không trở thành cha nuôi hay mẹ nuôi của trẻ em được nhận làm con nuôi. Trong trường hợp họ không tiếp tục chung sống với nhau nữa mà đề nghị Tòa án cho ly hôn thì Tòa án sẽ từ chối thụ lý vụ án, tài sản của họ sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Tình huống 21. Khi lấy anh Cường làm chồng, chúng tôi chỉ tổ chức đám cưới mà chưa kịp đi đăng ký kết hôn. Nhưng sau khi cưới được 02 tháng, chồng tôi phải đi công tác dài ngày nên chúng tôi vẫn chưa đăng ký kết hôn được. Sau này, tôi có nhắc chồng đi đăng ký kết hôn thì anh cứ khất lần. Mẹ chồng tôi cũng bảo: đăng ký không quan trọng gì, miễn là vợ chồng sống hạnh phúc với nhau. Hơn 01 năm vợ chồng tôi nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tôi phải về nhà mẹ đẻ để sinh sống. Nay tôi muốn ly hôn với chồng tôi thì cần thực hiện thủ tục gì? Giữa chúng tôi chưa có con chung và không có tài sản gì.

Trả lời:

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Việc bạn lấy anh Cường làm chồng mà không có đăng ký kết hôn thì quan hệ hôn nhân của bạn chưa được nhà nước công nhận, do đó, về mặt pháp lý thì

bạn không phải là vợ của anh Cường và anh Cường cũng không phải là chồng của bạn. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Do giữa bạn và anh Cường chưa có con chung, không có tài sản gì, cũng không phải là vợ chồng theo quy định của pháp luật, vì vậy bạn hoàn toàn có thể bỏ anh Cường mà không cần thực hiện bất kỳ thủ tục gì tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tình huống 22. Anh Toàn là chồng chị An bị tai nạn giao thông dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự, đã được tòa án tuyên bố là bị mất năng lực hành vi dân sự. Vừa qua mẹ anh Toàn qua đời (ba anh đã mất trước đó 06 năm), bà để lại di sản thừa kế cho các con gồm quyền sử dụng đất ở và một số tài sản khác. Do không có di chúc nên các con bà tổ chức cuộc họp để chia di sản. Xin hỏi, chị An có được đại diện cho chồng tham gia vào cuộc họp chia di sản của ba mẹ chồng không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng đại diện cho nhau khi một bên mất năng lực hành vi dân sự mà bên kia có đủ điều kiện làm người giám hộ hoặc khi một bên bị hạn chế năng lực hành vi dân sự mà bên kia được Tòa án chỉ định làm người đại diện theo pháp luật cho người đó, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật thì người đó phải tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ có liên quan.

Như vậy, chị An (khi có đủ điều kiện làm người giám hộ) sẽ đại diện cho chồng là anh Toàn để tham gia thực hiện các giao dịch dân sự thay cho anh Toàn. Vì vậy, chị hoàn toàn có quyền đại diện cho chồng tham gia cuộc họp với các anh chị em bên chồng để bàn về việc chia di sản thừa kế của bố mẹ anh Toàn.

Tình huống 23. Bà Vi mua vé xổ số và trúng giải đặc biệt nên bà cho rằng đây là tài sản riêng của bà. Chồng bà cho rằng đây tài sản chung của hai vợ chồng vì khoản thu nhập phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Hai bên đã nảy sinh mâu thuẫn. Vậy, tiền trúng xổ số là tài sản chung hay tài sản riêng của vợ chồng bà Vi?

Trả lời:

Tiền trúng thưởng xổ số của bà Vi được xác định là tài sản chung của vợ chồng theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng và hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng sau khi chia

tài sản chung; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng.

Trong đó, thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân (Điều 9 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình) bao gồm:

- Khoản tiền thưởng, tiền trúng thưởng xổ số, tiền trợ cấp (trừ khoản trợ cấp, ưu đãi mà vợ, chồng được nhận theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; quyền tài sản khác gắn liền với nhân thân của vợ, chồng).

- Tài sản mà vợ, chồng được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật dân sự đối với vật vô chủ, vật bị chôn giấu, bị chìm đắm, vật bị đánh rơi, bị bỏ quên, gia súc, gia cầm bị thất lạc, vật nuôi dưới nước.

- Thu nhập hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (Điều 9 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình).

Như vậy, tiền trúng thưởng xổ số được xác định là tài sản chung của vợ chồng bà Vi theo quy định hiện hành.

CHUYÊN ĐỀ 3: PHÁP LUẬT VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

Tình huống 24. Ông Nguyễn Văn Bình đang sinh hoạt tại một tổ chức tôn giáo tại địa phương và là người có uy tín tại địa phương. Tuy nhiên, ông Bình thường xuyên tuyên truyền một số thông tin có nội dung xuyên tạc, chống phá chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước. Đến cuối năm 2018, chính quyền địa phương tại nơi ông Bình cư trú phát hiện ra một số lượng không nhỏ sách báo, tài liệu tuyên truyền có nội dung chống phá chính quyền Việt Nam. Trường hợp này, hành vi của ông Bình sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Hành vi của ông Bình đã phạm những hành vi bị nghiêm cấm đối với những người có tín ngưỡng, tôn giáo theo khoản 4 Điều 5 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Nội dung điều luật này như sau:

- Nghiêm cấm các hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo sau đây:
 - + Xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường;
 - + Xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác;
 - + Cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân;
 - + Chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.
 - + Lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

Ngoài ra, hành vi của ông Bình còn có dấu hiệu phạm tội tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều luật này quy định như sau:

- Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:
 - + Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;
 - + Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân;
 - + Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm gây chiến tranh tâm lý.
- Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.

- Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Tình huống 25. Chị Nguyễn Thị Hoàng và Anh Lê Văn Tân quen nhau 3 năm và chuẩn bị kết hôn vào cuối năm. Tuy nhiên, một lần tình cờ, bà Trần Thị Năm (mẹ của anh Tân) biết được chị Hoàng theo đạo Phật, nhưng gia đình anh Tân theo đạo Thiên chúa, vậy nên bà Năm yêu cầu chị Hoàng phải từ bỏ đạo Phật, theo đạo Thiên chúa mới cho cả hai kết hôn với lý do hai người thuộc hai tôn giáo khác nhau thì không thể kết hôn với nhau được. Trong trường hợp này, hành vi của bà Năm có vi phạm pháp luật hay không, nếu có thì sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Hành vi của bà Năm vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác theo khoản 1 Điều 6 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Đó là: “*Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào*”. Đồng thời, vi phạm một trong những hành vi bị nghiêm cấm tại Khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là “*Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn*”.

Hành vi của bà Năm có thể bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 59 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Ngoài ra, bà Năm còn có thể phạm tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, cản trở ly hôn tự nguyện theo Điều 181 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nội dung Điều luật này như sau:

“Người nào cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ hoặc cưỡng ép hoặc cản trở người khác ly hôn bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm”.

Tình huống 26. Cứ vào ngày mùng một và ngày rằm mỗi tháng bà Thanh sẽ thắp hương cúng khấn ông bà, tổ tiên, đồng thời cùng các đồng nghiệp tại cơ quan rủ nhau đi lễ chùa. Thấy vậy, ông Hùng (chồng bà Thanh) cho rằng việc làm của bà là mê tín dị đoan và yêu cầu bà Thanh không làm những điều đó nữa, nếu không ông Hùng sẽ không cho bà Thanh đi khỏi nhà và đe dọa sẽ giết chết bà nếu không nghe lời. Trong trường hợp này, hành vi của ông Hùng có vi phạm pháp luật hay không, nếu có thì sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Hành vi của ông Hùng vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác theo khoản 1, 2 Điều 6 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, cụ thể: “Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Mọi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo”.

Ngoài ra, việc ông Hùng đe dọa sẽ giết vợ nếu không nghe lời có dấu hiệu phạm tội đe dọa giết người theo khoản 1 Điều 133 Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nội dung Điều luật này như sau: “Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Tình huống 27. Tại xã B, người dân trong xã có hai tôn giáo khác nhau cùng tồn tại. Tuy theo tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau nhưng sinh sống rất thân ái, đoàn kết, cùng chung sức xây dựng và bảo vệ quê hương mình. Tuy nhiên, thời gian gần đây, có một vài người lại có ý kiến rằng các tôn giáo khác nhau thì sẽ không thể cùng chung về quan điểm, lễ nghi và về quyền lợi nên không thể nào đoàn kết được. Vì vậy, họ đã kích động gây chia rẽ đồng bào giữa hai tôn giáo đang ở tại xã B gây nên một số sự việc đáng tiếc xảy ra. Trong trường hợp này, hành vi của những người trên có vi phạm pháp luật hay không, nếu có thì sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Hành vi của những người trên vi phạm vào những điều nghiêm cấm trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo điểm d Khoản 4 Điều 5 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Nội dung điều luật này như sau:

Nghiêm cấm hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo sau đây:

- + Xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường;
- + Xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác;
- + Cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân;
- + Chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

Ngoài ra, hành vi của những người trên còn có thể phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 116 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cụ thể như sau:

- Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

+ Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, với lực lượng vũ trang nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội;

+ Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

+ Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội;

+ Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

- Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

- Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

CHUYÊN ĐỀ 4: PHÁP LUẬT VỀ DÂN SỰ

Tình huống 28. Khi xây dựng nhà văn hóa mới cho khu phố nhà anh Phong bị mất lối đi riêng. Anh Phong muốn đi chung vào lối đi của 02 nhà hàng xóm bên cạnh, vì anh cho rằng mình có quyền về lối đi qua theo pháp luật. Xin hỏi, ý kiến của anh có đúng hay sai?

Trả lời:

Ý kiến của anh Phong hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định quyền về lối đi qua như sau:

1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên; nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xác định.

3. Trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 nêu trên mà không có đền bù.

Tình huống 29. Vì cần tiền gấp để lo xin việc cho đứa con út, chị Linh đến gặp bà Quyên hàng xóm đặt vấn đề muốn vay mượn 200 triệu, hẹn trong vòng 1 tuần sẽ trả. Bà Quyên muốn chị Linh phải có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình nên muốn biết pháp luật quy định có các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm:

- Cầm cố tài sản;
- Thế chấp tài sản;
- Đặt cọc;
- Ký cược;

- Ký quỹ;
- Bảo lưu quyền sở hữu;
- Bảo lãnh;
- Tín chấp;
- Cầm giữ tài sản.

Vi vậy chị Linh phải thực hiện một trong các biện pháp bảo đảm nêu trên để vay được tiền của bà Quyên.

Tình huống 30. Sắp đến ngày nộp học phí, mà bố mẹ ở quê chưa kịp gửi tiền lên nên G có ý định mang chiếc xe đạp điện đi cầm cố cho hiệu cầm đồ đầu đường để lấy tiền nộp học phí. G muốn hỏi pháp luật quy định như thế nào về cầm cố tài sản? Bên cầm cố có nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Theo Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015, cầm cố tài sản là việc một bên giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Nghĩa vụ của bên cầm cố được quy định tại Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015, bao gồm:

- Giao tài sản cầm cố cho bên nhận cầm cố theo đúng thoả thuận.
- Báo cho bên nhận cầm cố về quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố, nếu có; trường hợp không thông báo thì bên nhận cầm cố có quyền huỷ hợp đồng cầm cố tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc duy trì hợp đồng và chấp nhận quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố.
- Thanh toán cho bên nhận cầm cố chi phí hợp lý để bảo quản tài sản cầm cố, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Tình huống 31. Dù đã hết thời hạn 01 tuần mà vẫn không thấy anh Vinh chuyển đồ đạc đến căn nhà trọ định thuê như đã giao hẹn với bà Phương là chủ khu nhà trọ. Khi có người khác đến đặt vấn đề muốn thuê, bà Phương đã cho người khác thuê, vì bà cho rằng đã chấm dứt đề nghị thuê nhà giữa bà và anh Vinh. Xin hỏi, ý kiến của bà Phương có chính xác hay không? Đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp nào?

Trả lời:

Tại Điều 391 Bộ luật Dân sự năm 2015 về chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng. Theo đó, đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:

- Bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng;
- Bên được đề nghị trả lời không chấp nhận;
- Hết thời hạn trả lời chấp nhận;

- Khi thông báo về việc thay đổi hoặc rút lại đề nghị có hiệu lực;
- Khi thông báo về việc huỷ bỏ đề nghị có hiệu lực;
- Theo thoả thuận của bên đề nghị và bên được đề nghị trong thời hạn chờ bên được đề nghị trả lời.

Như vậy, căn cứ theo quy định trên, bà Phương có quyền cho người khác thuê do hết thời hạn giao kết anh Vinh vẫn không chuyển đồ đạc đến nhà trọ - hết thời hạn trả lời chấp nhận.

Tình huống 32. Ông Tú mất để lại di chúc ủy quyền cho con trai lớn anh Phong chia tài sản gồm 01 căn nhà và 02 mảnh đất. Sau khi bố mất, anh Phong đề nghị họp gia đình và chia tài sản theo di chúc cha để lại. Do tài sản chia không đều nên bà Mai – em út bức xúc nói ông Phong đã nhiều tuổi nên không có năng lực pháp luật dân sự, không có quyền thay bố chia tài sản của gia đình. Hỏi trong tình huống trên, bà Mai nói về ông Phong có đúng không? Pháp luật dân sự quy định về năng lực pháp luật dân sự của cá nhân như thế nào?

Trả lời:

Theo Khoản 2, 3 Điều 16 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau.

Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi sinh ra và chấm dứt khi người đó chết.”

Căn cứ theo quy định trên, ông Phong và các thành viên khác trong gia đình đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau. Việc bà Mai nói ông Phong đã nhiều tuổi nên không có năng lực pháp luật dân sự là không có căn cứ vì độ tuổi không ảnh hưởng đến năng lực pháp luật dân sự của cá nhân.

Như vậy, trong tình huống trên, ông Phong có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự để thực hiện việc chia di sản theo di chúc của người cha quá cố để lại.

Tình huống 33. Ông Khoa sinh năm 1945, sống một mình vì không có vợ con. Ông bị tai nạn cụt cả 2 tay, mắt nhìn kém do tuổi cao nhưng thần kinh vẫn minh mẫn. Hiện nay ông Khoa muốn bán căn nhà của mình để có tiền hưởng tuổi già nhưng bản thân ông không thể ký được giấy tờ. Hỏi ông có thể tự mình xác lập việc mua bán nhà ở hay không? Trường hợp của ông Khoa có được coi là mất năng lực hành vi dân sự không?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định rõ mất năng lực hành vi dân sự là: *“Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần.”*

Như vậy căn cứ điều luật trên, ông Khoa chỉ bị hạn chế một số khả năng viết, đọc do mất mờ và cụt cả 2 tay còn trí tuệ vẫn minh mẫn, có khả năng nhận thức tốt nên không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự theo quy định.

Do vậy ông Khoa có thể toàn quyền thực hiện các giao dịch dân sự để định đoạt tài sản của mình.

Tình huống 34. Gia đình bà Quyên có nuôi 05 con bò đã đẻ được 2 con bê con. Khi lùa đàn bò về chuồng, bà Quyên phát hiện có 01 con bê lạc đã nhập vào đàn bò nhà bà. Bà đã đi hỏi các gia đình có nuôi bò gần đó và báo với Ủy ban nhân dân xã nhưng không thấy gia đình nào báo mất bê. Vì thế bà đã nuôi chúng cùng với đàn gia súc của mình. Một tháng sau, có một người ở xã bên đến tìm bà Quyên và xác nhận đó là bê của họ bị lạc nên muốn nhận lại. Bà Quyên không biết phải giải quyết như thế nào. Liệu bà có được quyền sở hữu con bò này không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 231 Bộ luật Dân sự năm 2015 về việc xác lập quyền sở hữu đối với gia súc bị thất lạc như sau:

- Người bắt được gia súc bị thất lạc phải nuôi giữ và báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại. Sau 06 tháng, kể từ ngày thông báo công khai hoặc sau 01 năm đối với gia súc thả rông theo tập quán thì quyền sở hữu đối với gia súc và số gia súc được sinh ra trong thời gian nuôi giữ thuộc về người bắt được gia súc.

- Trường hợp chủ sở hữu được nhận lại gia súc bị thất lạc thì phải thanh toán tiền công nuôi giữ và các chi phí khác cho người bắt được gia súc. Trong thời gian nuôi giữ gia súc bị thất lạc, nếu gia súc có sinh con thì người bắt được gia súc được hưởng một nửa số gia súc sinh ra hoặc 50% giá trị số gia súc sinh ra và phải bồi thường thiệt hại nếu có lỗi cố ý làm chết gia súc.

Như vậy, theo thời hạn quy định nêu trên, bà Quyên phải đồng ý cho chủ của con bê bị thất lạc nhận lại gia súc của mình và nhận các chi phí đã chăm sóc, nuôi con bê trong thời gian ở gia đình bà.

Tình huống 35. Anh Xuân đã tiến hành xây nhà kho sát với vườn nhà ông Lâm. Tuy nhiên, nhà kho của anh không có đường dẫn nước xuống cống, hễ trời mưa là nước từ mái tôn nhà kho lại chảy sang vườn nhà ông Lâm, gây úng lụt. Ông Lâm yêu cầu anh Xuân phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa không được chảy xuống vườn nhà ông. Xin hỏi yêu cầu của ông Lâm có phù hợp với quy định của pháp luật không?

Trả lời:

Tại Điều 250 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa như sau:

Chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng khác phải lắp đặt đường dẫn nước

sao cho nước mưa từ mái nhà, công trình xây dựng của mình không được chảy xuống bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề.

Như vậy, việc ông Lâm yêu cầu anh Xuân phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà kho của anh Xuân không được chảy xuống vườn của mình là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tình huống 36. Nhà anh Tý nằm ở trong cùng của dãy phố. Để thoát nước sinh hoạt ra cống chung của khu phố, anh Tý phải lắp đặt đường ống qua nhà chị Minh hàng xóm. Khi biết tin chị Minh chuyển đi nơi khác, bán nhà cho người khác, anh Tý lo lắng không biết người mua nhà mới có cho anh tiếp tục duy trì việc lắp đường ống này không. Xin hỏi pháp luật quy định về quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 252 Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề như sau:

Trường hợp do vị trí tự nhiên của bất động sản mà việc cấp, thoát nước buộc phải qua một bất động sản khác thì chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua phải dành một lối cấp, thoát nước thích hợp, không được cản trở hoặc ngăn chặn dòng nước chảy.

Người sử dụng lối cấp, thoát nước phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua khi lắp đặt đường dẫn nước; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường. Trường hợp nước tự nhiên chảy từ vị trí cao xuống vị trí thấp mà gây thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua thì người sử dụng lối cấp, thoát nước không phải bồi thường thiệt hại.

Như vậy anh Tý vẫn có thể tiếp tục duy trì việc lắp đường ống nước nhưng anh Tý phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho nhà hàng xóm.

Tình huống 37. Bố mẹ mất sớm nên để lại cho Chí căn nhà 3 tầng. Đã nhiều năm nay Chí nghiện ma túy, do không có tiền để hút chích nên tài sản trong gia đình lần lượt bị Chí mang đi bán, nay Chí lại đe dọa bán cả căn nhà của gia đình. Hỏi trong trường hợp này Chí có bị coi là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự để không thể bán tài sản của gia đình không?

Trả lời:

Điều 24 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hạn chế năng lực hành vi dân sự như sau:

“Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.”

Cũng theo quy định tại Điều luật, việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân

sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày hoặc luật liên quan có quy định khác.

Như vậy, trong trường hợp này, do Chí nghiện ma túy nên gia đình (vợ, con Chí) cần yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố Chí bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Trên cơ sở đó, Chí sẽ không thể tự mình thực hiện việc mua bán căn nhà là tài sản có giá trị của gia đình.

Tình huống 38. Năm 2011, anh Dinh bỏ chị An khi chị vừa sinh con được 1 tháng. Chị cho cháu mang họ mẹ và trong giấy khai sinh của cháu không có tên cha. Gần đây anh Dinh có nguyện vọng xin nhận con và muốn chuyển họ của con cùng họ với anh (lúc này con chị An đã 10 tuổi). Vì quyền lợi của con, chị muốn biết con chị có quyền được thay đổi họ không?

Trả lời:

Theo Điểm a Khoản 1 Điều 27 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền thay đổi họ như sau:

“Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi họ trong trường hợp sau đây:

Thay đổi họ cho con để từ họ của cha để sang họ của mẹ để hoặc ngược lại...”

Như vậy, theo quy định trên, chị An và anh Dinh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi họ cho con từ họ của mẹ để sang họ của cha để. Tuy nhiên, vì con của chị An và chồng đã 10 tuổi nên việc thay đổi họ phải có sự đồng ý của con anh chị (theo quy định tại Khoản 2 Điều 27).

Tình huống 39. Cháu Thi là trẻ sơ sinh bị bỏ rơi được ông bà Hiền nhận nuôi. Khi cháu Thi được 3 tuổi, ông bà Hiền đăng ký cho cháu vào học tại trường mầm non của xã nhưng khi làm thủ tục nhập học theo quy định thì cháu Thi thiếu giấy khai sinh, nhà trường yêu cầu gia đình phải bổ sung. Vậy theo quy định pháp luật, cháu Thi có được đăng ký khai sinh nữa hay không?

Trả lời:

Theo Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh.”

Như vậy, việc đăng ký khai sinh là quyền lợi hợp pháp của cháu Thi. Tuy nhiên, do việc đăng ký khai sinh này đã quá thời hạn quy định (đăng ký ngay lúc sinh ra) nên ông bà Hiền cần đến cơ quan có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân cấp xã) để thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

Tình huống 40. Ông Quang mất để lại một mảnh đất có diện tích gần 500m² cho hai con trai là Trung và Hiếu. Trung do đam mê cờ bạc nên đã bán hết tài sản riêng của mình. Gần đây, một công ty nước ngoài muốn

mua lại mảnh đất nói trên để mở công ty với giá cao nên Trung vận động Hiếu đồng ý bán đất rồi chia tiền nhưng Hiếu nhất quyết không đồng ý. Thấy vậy, Trung lừa chuốc say Hiếu để Hiếu ký vào bản hợp đồng bán mảnh đất cha để lại. Vậy trong trường hợp này, giao dịch dân sự trên có hiệu lực không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;
- Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;
- Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 128 về giao dịch dân sự vô hiệu thì:

“Người có năng lực hành vi dân sự nhưng đã xác lập giao dịch vào đúng thời điểm không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.”

Trung đã lợi dụng lúc Hiếu say rượu để Hiếu ký hợp đồng bán mảnh đất do cha để lại cho 2 anh em. Đối chiếu với các quy định trên, giao dịch dân sự được xác lập vào đúng thời điểm Hiếu không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Hiếu có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đó là vô hiệu.

Tình huống 41. Thấy được tiềm năng của các loại hình kinh doanh trên bờ biển, lại có lợi thế nhà tiếp giáp và quay ra hướng biển, gia đình ông Khang đã chiếm dụng khoảng không gian trước nhà để kinh doanh, thu phí khách du lịch. Khi chính quyền đến xử lý thì ông Khang cho rằng đây là tài sản sở hữu toàn dân nên ông có toàn quyền sử dụng. Vậy trong tình huống trên, quan điểm của ông Khang có phù hợp với quy định pháp luật không?

Trả lời:

Tại Điều 197 Bộ luật Dân sự năm 2015, tài sản thuộc sở hữu toàn dân được quy định như sau:

“Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.”

Theo quy định trên thì khoảng không gian bờ biển trước nhà ông Khang thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, không thể coi là tài sản riêng của bất kỳ cá nhân nào. Vì vậy, ông Khang không có quyền tự ý sử dụng khoảng không gian bờ biển trước nhà phục vụ việc kinh

doanh của gia đình, trừ trường hợp ông làm dự án đăng ký thuê sử dụng đất có thời hạn và được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tình huống 42. Ông Bình mất để lại di chúc viết tay, trong đó có nội dung chia tài sản là một căn nhà và 02 mảnh đất thuộc quyền sở hữu của ông cho con trai là anh Rạng. Thấy vậy, chị Phương là con gái nhưng không được nhận tài sản nào tỏ ra rất bức xúc. Đầu năm nay, anh Rạng muốn xây nhà thờ họ trên 01 mảnh đất cha để lại. Chị Phương nghe nói vậy phản đối kịch liệt và cho rằng anh Rạng chỉ có quyền trông coi tài sản mà cha để lại chứ không được tự ý sử dụng. Hỏi theo quy định pháp luật, anh Rạng có quyền xây nhà thờ trên mảnh đất cha để lại không?

Trả lời:

Theo tình huống đưa ra, việc anh Rạng được nhận thừa kế một căn nhà và 02 mảnh đất do cha để lại hoàn toàn hợp pháp.

Tại Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định quyền sở hữu được xác lập đối với tài sản trong trường hợp sau đây:

- 1. Do lao động, do hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp, do hoạt động sáng tạo ra đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.*
- 2. Được chuyển quyền sở hữu theo thỏa thuận hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.*
- 3. Thu hoa lợi, lợi tức.*
- 4. Tạo thành tài sản mới do sáp nhập, trộn lẫn, chế biến.*
- 5. Được thừa kế.*

.....

Theo quy định trên, việc anh Rạng được thừa kế theo di chúc là căn cứ để xác lập quyền sở hữu của anh đối với tài sản cha để lại là một căn nhà và 02 mảnh đất. Quyền sở hữu của anh Rạng với tài sản trên được xác lập, bao gồm quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. Như vậy, anh Rạng có quyền xây nhà thờ họ trên mảnh đất cha để lại theo thành ý của bản thân.

Tình huống 43. Trong quá trình cải tạo ao, ông Bằng phát hiện được cái bình cổ hoa văn rất đẹp, được xác định đó là một cổ vật thời Trần. Tin đồn lan ra, ngay lập tức đã người đến nhà ông Bằng đặt giá muốn mua cái bình với giá 600 triệu. Tuy nhiên, vợ ông Bằng không đồng ý bán mà khuyên chồng phải thông báo và giao nộp chiếc bình cho Ủy ban nhân dân cấp xã và sau này nhận tiền thưởng. Xin hỏi ý kiến của vợ ông Bằng có chính xác hay không? Pháp luật quy định việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 229 Bộ luật Dân sự năm 2015 về việc xác lập

quyền sở hữu đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy như sau:

- Người phát hiện tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phải thông báo hoặc trả lại ngay cho chủ sở hữu; nếu không biết ai là chủ sở hữu thì phải thông báo hoặc giao nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi gần nhất hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy mà không có hoặc không xác định được ai là chủ sở hữu thì sau khi trừ chi phí tìm kiếm, bảo quản, quyền sở hữu đối với tài sản này được xác định như sau:

+ Tài sản được tìm thấy là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hoá theo quy định của Luật di sản văn hóa thì thuộc về Nhà nước; người tìm thấy tài sản đó được hưởng một khoản tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

+ Tài sản được tìm thấy không phải là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hoá theo quy định của Luật di sản văn hóa mà có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì thuộc sở hữu của người tìm thấy; nếu tài sản tìm thấy có giá trị lớn hơn mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì người tìm thấy được hưởng giá trị bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và 50% giá trị của phần vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước.

Như vậy, ý kiến của vợ ông Bằng là hoàn toàn chính xác theo quy định pháp luật dân sự.

Tình huống 44. Trên đường đi tập thể dục buổi sáng, ông Chinh phát hiện thấy có một chiếc túi xách đen rơi bên đường. Ông mở ra thấy có hơn 20 triệu tiền mặt và một số giấy tờ mang tên anh Nguyễn Văn Đình tuy nhiên lại không rõ địa chỉ cư trú của Đình. Trong trường hợp này, ông Chinh phải làm gì? Pháp luật quy định về việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 230 Bộ luật Dân sự năm 2015 về việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên, cụ thể như sau:

- Người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên mà biết được địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc trả lại tài sản cho người đó; nếu không biết địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc giao nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi gần nhất để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại.

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã đã nhận tài sản phải thông báo cho người đã giao nộp về kết quả xác định chủ sở hữu.

- Sau 01 năm, kể từ ngày thông báo công khai về tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên mà không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận thì quyền sở hữu đối với tài sản này được xác định như sau:

+ Trường hợp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì người nhặt được được xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đó theo quy định của Bộ luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp tài sản có giá trị lớn hơn mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì sau khi trừ chi phí bảo quản, người nhặt được được hưởng giá trị bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và 50% giá trị của phần vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước;

+ Trường hợp tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hoá theo quy định của Luật di sản văn hóa thì tài sản đó thuộc về Nhà nước; người nhặt được tài sản được hưởng một khoản tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, theo các quy định này, ông Chinh phải thông báo hoặc giao nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi gần nhất để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại.

Tình huống 45. Nhờ thời tiết thuận lợi, nên vụ mùa năm nay nhà bà Xuân thu hoạch được 5 tấn lúa. Hơn nữa, con trâu cái nhà bà lại đẻ được 02 con nghé con. Khi có ông Sang là lái buôn trong làng đến thu mua lúa và nghé nhà bà. Bà Xuân muốn lập hợp đồng mua bán để tránh các mâu thuẫn phát sinh, bà Xuân muốn biết hợp đồng gồm có những nội dung gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015, các bên trong hợp đồng có quyền thỏa thuận về nội dung trong hợp đồng, hợp đồng gồm các nội dung sau đây:

- + Đối tượng của hợp đồng;
- + Số lượng, chất lượng;
- + Giá, phương thức thanh toán;
- + Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng;
- + Quyền, nghĩa vụ của các bên;
- + Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;
- + Phương thức giải quyết tranh chấp.

Tình huống 46. Thanh và Phương thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng mua bán chiếc xe máy SH của Thanh với nội dung sau khi ký hợp đồng 02 ngày, Thanh sẽ bàn giao xe máy và giấy tờ xe cho Phương. Tuy nhiên, ngay sau ký hợp đồng, xe của Thanh đã bị mất trộm. Xin hỏi trong trường hợp này, hợp đồng mua bán xe của Thanh và Phương có bị chấm dứt hay không?

Trả lời:

Tại Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về chấm dứt hợp đồng, hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:

- Hợp đồng đã được hoàn thành;
- Theo thoả thuận của các bên;
- Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện;
- Hợp đồng bị huỷ bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện;
- Hợp đồng không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn;
- Hợp đồng chấm dứt theo quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo Bộ luật dân sự
- Trường hợp khác do luật quy định.

Trong trường hợp này, hợp đồng của Thanh và Phương đã bị chấm dứt do đối tượng của hợp đồng là chiếc xe máy không còn nữa.

Tình huống 47. E đã ký kết hợp đồng hợp tác làm ăn với F với điều kiện, mỗi người góp 100 triệu để mở văn phòng giới thiệu việc làm cho sinh viên với các nội dung rõ ràng như: quyền, nghĩa vụ của các bên, phương thức làm việc, mức phân chia lợi nhuận... Tuy nhiên, đến thời hạn góp vốn, F không đưa được số tiền theo quy định, hơn nữa còn có ý định thuê văn phòng ảo và kinh doanh một số nội dung trái với thỏa thuận nên E đã huỷ bỏ hợp đồng với F. Pháp luật quy định về việc huỷ bỏ hợp đồng như thế nào?

Trả lời:

Việc huỷ bỏ hợp đồng được quy định tại Điều 423 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau:

- Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau đây:
 - + Bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận;
 - + Bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng;
 - + Trường hợp khác do luật quy định.
- Vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.
- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Tình huống 48. Bà Minh làm hợp đồng mua bán căn hộ tập thể cũ cho chị Nhung với thỏa thuận sau khi nhận tiền sẽ chuyển nhà đi trong vòng 01 tuần. Tuy nhiên gần đến ngày hết hạn phải chuyển đi, bà Minh vẫn chưa hoàn thiện xong nội thất cho căn nhà mới chuyển đến. Bà Minh có ý định xin kéo dài vài ngày nữa liệu có được không? Xin hỏi pháp luật quy định về thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán như thế nào?

Trả lời:

Ý định của bà Minh về việc kéo dài thời hạn thực hiện hợp đồng phải được bên mua đồng ý theo Điều 434 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán như sau:

- Thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán do các bên thỏa thuận. Bên bán phải giao tài sản cho bên mua đúng thời hạn đã thỏa thuận; bên bán chỉ được giao tài sản trước hoặc sau thời hạn nếu được bên mua đồng ý.

- Khi các bên không thỏa thuận thời hạn giao tài sản thì bên mua có quyền yêu cầu bên bán giao tài sản và bên bán cũng có quyền yêu cầu bên mua nhận tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý.

- Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản.

Tình huống 49. Để phục vụ công việc, chị Vi đã gọi đến cửa hàng Z đặt mua 30 thùng giấy A4 loại trắng tinh. Tuy nhiên, cửa hàng lại mang đến cho chị loại giấy A4 có độ trắng kém hơn, không đúng chủng loại mà chị yêu cầu. Chị Vi yêu cầu cửa hàng Z mang lại cho chị đúng chủng loại giấy mà chị yêu cầu? Trách nhiệm giao tài sản không đúng chủng loại được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 439 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trường hợp tài sản được giao không đúng chủng loại thì bên mua có một trong các quyền sau đây :

- Nhận và thanh toán theo giá do các bên thỏa thuận;

- Yêu cầu giao tài sản đúng chủng loại và bồi thường thiệt hại;

- Hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu việc giao không đúng chủng loại làm cho bên mua không đạt được mục đích giao kết hợp đồng.

Trường hợp tài sản gồm nhiều chủng loại mà bên bán không giao đúng với thỏa thuận đối với một hoặc một số loại thì bên mua có thể hủy bỏ phần hợp đồng liên quan đến loại tài sản đó và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Như vậy, việc chị Vi yêu cầu cửa hàng mang lại cho chị đúng chủng loại giấy mà chị yêu cầu là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Tình huống 50. Vì là bạn bè thân thiết nên khi thấy ông Chánh gặp khó khăn ông An đã tặng chiếc xe máy Dream mà mình đang đi cho ông Chánh để ông Chánh sử dụng làm phương tiện chạy xe ôm kiếm sống. Tuy nhiên, sau thời gian, ông Chánh đã bán chiếc xe máy này lại cho ông Bình với giá 10.000.000 đồng. Thấy vậy, ông An liền yêu cầu ông Bình trả lại chiếc xe vì lý do ông chỉ cho ông Chánh dùng xe để chạy xe ôm không phải để bán. Vậy, theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của ông An có phù hợp hay không?

Trả lời:

Theo khoản 2 Điều 458 Bộ luật Dân sự năm 2015 “*Đối với động sản mà luật có quy định đăng ký quyền sở hữu thì hợp đồng tặng cho có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký.*”, Đối chiếu với tình huống của ông An, do chiếc xe máy của ông An là tài sản pháp luật yêu cầu phải đăng ký quyền sở hữu nên xuất hiện hai trường hợp:

- Trường hợp thứ nhất: Chiếc xe máy đã được ông An thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu sang tên cho ông Chánh như vậy hợp đồng tặng cho giữa ông An và ông Chánh đã có hiệu lực. Vì thế, chiếc xe máy đã thuộc quyền sở hữu của ông Chánh nên ông Chánh có toàn quyền định đoạt, bán chiếc xe cho bất kỳ ai. Theo đó, việc yêu cầu đòi lại chiếc xe của ông An là không phù hợp theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp thứ hai: Chiếc xe máy chưa được ông An thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu sang tên cho ông Chánh như vậy hợp đồng tặng cho giữa ông An và ông Chánh vẫn chưa có hiệu lực. Vì thế, chiếc xe máy này vẫn thuộc quyền sở hữu của ông An nên việc ông Chánh bán chiếc xe là không hợp pháp. Theo đó, việc yêu cầu đòi lại chiếc xe của ông An là hoàn toàn phù hợp theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tình huống 51. Do phải chi trả tiền chữa bệnh cho chồng, chị Minh có vay hàng xóm là chị Hoa số tiền là 50 triệu đồng và được chị Hoa cho vay không lấy lãi. Chị Hoa có yêu cầu chị Minh trong 1 năm phải hoàn trả lại số tiền này cho chị. Tuy nhiên, sau 01 năm vẫn chưa thấy chị Minh đến trả tiền, chị Hoa liền đến nhà chị Minh đòi tiền nhưng chị Minh lấy lý do khi đến hạn không thấy chị Hoa đến lấy tiền nên đã dùng số tiền trả nợ vào việc khác nên chưa có để trả. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự, lý do của chị Minh có phù hợp không?

Trả lời:

Việc chị Minh không trả tiền cho chị Hoa khi đến hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Ngoài ra, việc chị Minh lấy lý do chị Hoa không đến nhà chị Minh để lấy tiền làm lý do trốn tránh là không phù hợp, bởi theo quy định tại khoản 3 Điều

466 quy định địa điểm trả nợ là nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở của bên cho vay, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

Như vậy, khi đến hạn trả nợ, chị Minh phải mang toàn bộ số tiền 50 triệu đồng đến nhà chị Hoa để trả nợ. Đối với việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của chị Minh, chị Hoa còn có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (20% năm) trên số tiền 50 triệu đồng mà chị Minh chậm trả.

Tình huống 52. Anh Xuân có thuê của ông Khoa 2 con bò để thồ hàng trong thời gian 2 tháng. Trong thời gian này, 2 con bò anh Xuân thuê có sinh ra 1 con bê. Sau khi hết thời hạn thuê, ông Khoa có đến yêu cầu anh Xuân mang 02 con bò và con bê mới sinh đến nhà ông để trả. Anh Xuân không đồng ý vì cho rằng con bê này gia đình anh đã mất công chăm sóc, đỡ đẻ, đồng thời anh không đồng ý trả lại 2 con bò mà muốn tiếp tục sử dụng để thồ nốt số hàng, bù lại những ngày con bò sinh con không thể kéo hàng. Trong trường hợp này, theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, tranh chấp này phải giải quyết thế nào?

Trả lời:

Tranh chấp giữa anh Xuân và ông Khoa là tranh chấp về việc trả lại tài sản thuê là 02 con bò. Việc giải quyết tranh chấp này được căn cứ theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể:

Theo khoản 2 Điều 482 Bộ luật Dân sự năm 2015 “Trường hợp tài sản thuê là động sản thì địa điểm trả lại tài sản thuê là nơi cư trú hoặc trụ sở của bên cho thuê, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”, như vậy, việc ông Khoa yêu cầu anh Xuân mang trả 02 con bò về nhà ông là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của ông Khoa yêu cầu anh Xuân mang trả cả con bê mới sinh trong thời gian thuê, căn cứ theo khoản 3 Điều 482: “Trường hợp tài sản thuê là gia súc thì bên thuê phải trả lại gia súc đã thuê và cả gia súc được sinh ra trong thời gian thuê, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Bên cho thuê phải thanh toán chi phí chăm sóc gia súc được sinh ra cho bên thuê”, có thể thấy, yêu cầu này của ông Khoa cũng là có cơ sở. Tuy nhiên, ông Khoa phải thanh toán cho anh Xuân chi phí chăm sóc con bê này.

Đối với việc anh Xuân không trả lại mà tiếp tục sử dụng 02 con bò sau khi hết thời gian thuê để bù cho những ngày không thồ được hàng, đây được coi là việc chậm trả lại tài sản thuê. Theo đó, căn cứ theo khoản 4 Điều 482 quy định: “*Khi bên thuê chậm trả tài sản thuê thì bên cho thuê có quyền yêu cầu bên thuê trả lại tài sản thuê, trả tiền thuê trong thời gian chậm trả và phải bồi thường thiệt hại; bên thuê phải trả tiền phạt vi phạm do chậm trả tài sản thuê, nếu có thỏa thuận*”, ông Khoa có quyền yêu cầu anh Xuân trả lại 02 con bò, trả tiền thuê trong thời gian chậm trả đồng thời anh Xuân còn có thể phải bồi thường thiệt hại cho ông Khoa nếu có. Trường hợp có thỏa thuận về việc phạt vi phạm do chậm trả, ông Khoa cũng có thể yêu cầu anh Xuân trả số tiền phạt này.

Bên cạnh đó, anh Xuân phải chịu rủi ro đối với 02 con bò này trong thời gian chậm trả (Khoản 5 Điều 482)

Tình huống 53. Chị Minh đồng ý cho chị Linh mượn chiếc xe đạp để đi buôn hoa quả trên thành phố. Tuy nhiên, do không thỏa thuận thời hạn mượn trong bao lâu nên chị Minh băn khoăn không biết khi nào mình được quyền đòi lại chiếc xe đạp. Vậy theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, thời điểm nào chị Minh được quyền đòi lại chiếc xe đạp?

Trả lời:

Do không có thỏa thuận về thời hạn mượn nên căn cứ theo khoản 1 và 2 Điều 499 Bộ luật Dân sự năm 2015, chị Minh được quyền đòi lại chiếc xe đạp (tài sản cho mượn) trong các thời điểm sau:

- Đòi lại tài sản ngay sau khi bên mượn đạt được mục đích.
- Nếu chị Minh có nhu cầu đột xuất và cấp bách cần sử dụng chiếc xe đạp thì được đòi lại chiếc xe đạp mặc dù chị Linh chưa đạt được mục đích (buôn hoa quả), nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý.
- Đòi lại chiếc xe đạp khi chị Linh sử dụng không đúng mục đích, công dụng, không đúng cách thức đã thỏa thuận hoặc cho người khác mượn lại mà không có sự đồng ý của chị Minh.

Tình huống 54. Anh An được thuê lắp thiết bị điện cho ngôi nhà của anh Chinh. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện công việc, anh An phát hiện căn nhà anh Chinh có dấu hiệu tường bị thấm nước nếu tiếp tục lắp các hệ thống điện sẽ gây ra cháy chập gây mất an toàn. Anh An đã điện thoại liên lạc với anh Chinh để hỏi ý kiến anh Chinh về việc xử lý chống thấm nước trước khi lắp các thiết bị điện nhưng không liên lạc được. Vậy trong trường hợp này, anh An có quyền xử lý chống thấm nước trước khi lắp thiết bị điện hay không?

Trả lời:

Trong trường hợp này quan hệ giữa anh An và anh Chinh là quan hệ hợp đồng dịch vụ, theo đó, anh An được anh Chinh thuê thực hiện một công việc là lắp thiết bị điện. Việc anh An phát hiện việc tường nhà anh Chinh bị thấm nước phải tiến hành chống thấm trước khi lắp thiết bị điện đã vượt quá điều kiện dịch vụ ban đầu (chỉ lắp hệ thống điện).

Theo khoản 2 Điều 518 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định bên cung cấp dịch vụ có quyền được thay đổi điều kiện dịch vụ vì lợi ích của bên sử dụng dịch vụ mà không nhất thiết phải chờ ý kiến của bên sử dụng dịch vụ, nếu việc chờ ý kiến sẽ gây thiệt hại cho bên sử dụng dịch vụ, nhưng phải báo ngay cho bên sử dụng dịch vụ.

Đối chiếu với tình huống này, việc không xử lý chống thấm nước sẽ ảnh hưởng an toàn đối với hệ thống điện nhà anh Chinh, gây chập cháy, làm thiệt hại cho anh Chinh nên trong trường hợp này tuy không có sự đồng ý của anh Chinh, anh An vẫn có quyền xử lý chống thấm nước trước khi tiếp tục thực hiện công

việc nhưng anh An phải tiến hành thông báo ngay cho bên sử dụng dịch vụ (anh Chinh).

Tình huống 55. Anh An vừa thành lập Công ty vận tải Tín Tâm chuyên nhận vận chuyển các loại hàng hóa, tài sản từ Tỉnh Biên đến Long Xuyên và ngược lại. Do lần đầu thành lập còn thiếu kinh nghiệm nên anh đã đến nhờ tư vấn để biết trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong việc vận chuyển hàng hóa, tài sản. Vậy Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định như thế nào về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng vận chuyển tài sản?

Trả lời:

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng vận chuyển tài sản được Bộ luật dân sự năm 2015 quy định tại Điều 541, cụ thể như sau:

- Bên vận chuyển phải bồi thường thiệt hại cho bên thuê vận chuyển nếu để tài sản bị mất hoặc hư hỏng, trừ trường hợp bên thuê vận chuyển trông coi tài sản mà tài sản bị mất, hư hỏng thì không được bồi thường.

- Bên thuê vận chuyển phải bồi thường thiệt hại cho bên vận chuyển và người thứ ba về thiệt hại do tài sản vận chuyển có tính chất nguy hiểm, độc hại mà không có biện pháp đóng gói, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển.

- Trường hợp bất khả kháng dẫn đến tài sản vận chuyển bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại trong quá trình vận chuyển thì bên vận chuyển không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Tình huống 56. Chị Thi và chị Hoa là hai chị em ruột. Do mẹ chồng chị Thi ốm nặng, nên chị Thi phải ở bệnh viện chăm mẹ trong 1 thời gian. Chị Thi nhờ chị Hoa trông hộ nhà cửa, vườn cây. Trong thời gian chị Thi đi vắng, thấy vườn rau nhà chị Thi đã đến lúc thu hoạch nên chị Hoa đã sang thu hoạch và mang bán giúp. Định khi nào chị Thi về sẽ đưa lại cho chị Thi số tiền bán sau đó. Xin hỏi pháp luật quy định về trường hợp này như thế nào?

Trả lời:

Chị Hoa đã tự nguyện thu hoạch và mang bán rau giúp chị Thi mà không cần sự nhờ vả của chị Thi. Như vậy, theo quy định tại Điều 574 Bộ luật Dân sự năm 2015 chị Hoa đã thực hiện công việc đó không có sự ủy quyền.

Trong trường hợp này chị Hoa đã thực hiện công việc giúp chị Thi, công việc mà khi chị Thi ở nhà cũng sẽ làm như thế. Như vậy, việc làm của chị Hoa phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 575 Bộ luật Dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Người thực hiện công việc không có ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc phù hợp với khả năng, điều kiện của mình.

- Người thực hiện công việc không có ủy quyền phải thực hiện công việc như công việc của chính mình; nếu biết hoặc đoán biết được ý định của người có công việc thì phải thực hiện công việc phù hợp với ý định đó.

Ngoài ra, chị Hoa phải báo cho chị Thi về quá trình, kết quả thực hiện công việc nếu có yêu cầu, trừ trường hợp chị Thi đã biết.

Tình huống 57. Bà Linh mới mở đại lý bán laptop, do có mâu thuẫn với bà Linh nên bà Trinh đã nói với mọi người là đại lý nhà bà Linh bán hàng giả. Tin đồn đó là làm ảnh hưởng đến việc buôn bán của bà Linh. Xin hỏi bà Linh muốn bà Trinh bồi thường tổn thất không bán được hàng do bà Trinh tung tin đồn có được không? Nếu phải bồi thường, bà Trinh phải có trách nhiệm bồi thường như thế nào?

Trả lời:

Do mâu thuẫn với bà Linh nên bà Trinh đã tung tin đồn nói với mọi người là cửa hàng nhà bà Linh bán hàng giả, khiến bà Linh bị thiệt hại về kinh tế cũng như danh dự, nhân phẩm, uy tín. Với hành vi này, bà Trinh đã xâm phạm về quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm uy tín theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Bộ luật Dân sự 2015 “*Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ*”.

Đồng thời theo Điều 592 Bộ luật Dân sự 2015 quy định thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm như sau:

1. Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm bao gồm:

- a) Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại;
- b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút;
- c) Thiệt hại khác do luật quy định.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định trên và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Như vậy, đối với hành vi của mình bà Trinh phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Linh theo quy định trên. Việc bà Linh yêu cầu bà Trinh bồi thường thiệt hại là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tình huống 58. Do uống rượu say không làm chủ được hành vi nên anh Phương đã có hành động hành hung anh Chí – một vị khách trong quán khiến anh Chí bị thương và một số đồ đạc trong quán bị hư hỏng. Chủ quán và anh Chí yêu cầu anh Phương bồi thường cho mình. Xin hỏi anh Phương có phải bồi thường thiệt hại cho anh Chí và chủ quán hay không?

Trả lời:

Theo Điều 596 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về việc bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra thì người do uống rượu lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi, gây thiệt hại cho người khác thì phải bồi thường.

Như vậy, với hành vi gây thiệt hại của mình, anh Phương phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại là anh Chí và chủ quán theo đúng quy định của pháp luật.

Tình huống 59. Con gái chị Chi đi chăn trâu ở gần vườn nhà ông An. Do không cẩn thận nên con gái chị Chi để trâu vào vườn nhà ông An làm hỏng 1/3 vườn rau nhà ông An. Xin hỏi theo quy định của pháp luật ông An có quyền yêu cầu chị Chi bồi thường số rau đó không?

Trả lời:

Theo Điều 603 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về trường hợp bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra như sau:

1. Chủ sở hữu súc vật phải bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra cho người khác. Người chiếm hữu, sử dụng súc vật phải bồi thường thiệt hại trong thời gian chiếm hữu, sử dụng súc vật, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp người thứ ba hoàn toàn có lỗi làm cho súc vật gây thiệt hại cho người khác thì người thứ ba phải bồi thường thiệt hại; nếu người thứ ba và chủ sở hữu cùng có lỗi thì phải liên đới bồi thường thiệt hại.

3. Trường hợp súc vật bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật phải bồi thường; khi chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng súc vật có lỗi trong việc để súc vật bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì phải liên đới bồi thường thiệt hại.

4. Trường hợp súc vật thả rông theo tập quán mà gây thiệt hại thì chủ sở hữu súc vật đó phải bồi thường theo tập quán nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.

Đối chiếu với quy định nêu trên, chị Chi phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà con trâu nhà chị gây ra cho ông An, vì vậy ông An có quyền yêu cầu chị Chi bồi thường thiệt hại.

Tình huống 60. Do 2 nhà sát vách nhau nên trong quá trình xây dựng nhà, thợ xây dựng nhà của anh An đã không tính toán làm nứt vách ảnh hưởng đến nhà tôi. Tôi đã qua báo với anh An thì anh An lại nói không phải lỗi do anh mà là lỗi do người thợ xây dựng nên anh An không bồi thường cho tôi. Xin hỏi trường hợp này pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 605 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về việc bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra như sau:

Chủ sở hữu, người chiếm hữu, người được giao quản lý, sử dụng nhà cửa, công trình xây dựng khác phải bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác đó gây thiệt hại cho người khác.

Khi người thi công có lỗi trong việc đắp nhà cửa, công trình xây dựng khác gây thiệt hại thì phải liên đới bồi thường.

Chiều theo quy định nêu trên, anh An phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cùng với người thợ xây dựng vì đã làm nứt vách nhà bạn.

Tình huống 61. Anh Chinh có vợ là Vi, hai con là Uyên và Tài. Anh Chinh vẫn còn bố mẹ đẻ và 2 người em ruột là Thanh và Sơn. Anh Chinh bị tai nạn nặng, trước khi mất có để lại di chúc bằng miệng và nói rõ để 1/2 di sản cho vợ và 2 con, 1/2 di sản còn lại cho bố mẹ đẻ. Tại thời điểm anh Chinh để lại di chúc bằng miệng, chỉ có vợ anh và bố mẹ đẻ cùng 1 người em của anh làm chứng, ngoài ra không có ai. Như vậy, di chúc miệng mà anh Chinh để lại có hợp pháp hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về di chúc hợp pháp thì: *“Di chúc miệng được coi là hợp pháp nếu người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng và ngay sau khi người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng, người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng thì di chúc phải được công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm chứng.”*

Có thể thấy trong tính huống trên, có đến 4 người có mặt tại thời điểm anh Chinh lập di chúc miệng. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 632 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về người làm chứng cho việc lập di chúc thì những người sau đây không được làm chứng cho việc lập di chúc:

- Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc;
- Người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc;
- Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.”

Theo như tình huống trên, anh Chinh đã để lại di sản cho vợ con và bố mẹ đẻ, trong khi đó, trong 4 người làm chứng cho việc lập di chúc của anh thì có 3 người là vợ, bố đẻ, mẹ đẻ anh nằm trong diện thừa kế theo di chúc. Như vậy chỉ còn lại 1 người làm chứng là em ruột anh là không thuộc 3 trường hợp tại Điều 632 ở trên. Do đó, căn cứ theo các quy định trên, di chúc miệng của anh Chinh để lại không hợp pháp, bởi vậy di sản của anh Chinh sẽ được chia theo pháp luật.

Tình huống 62. Anh Quang cùng cha bị tai nạn khi đang tham gia giao thông khiến cả 2 cha con chết trên đường đưa đến bệnh viện. Cha anh Quang có tài sản khá lớn nhưng không kịp để lại di chúc. Trong khi đó, vợ chồng anh Quang có 1 con trai nhỏ. Chị vợ anh Quang muốn biết con trai của mình có được hưởng phần thừa kế của anh Quang do cha anh Quang để lại hay không?

Trả lời:

Theo Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thừa kế thế vị như sau:

Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống.

Như vậy, anh Quang chết cùng một thời điểm với cha mình, do vậy con trai anh Quang sẽ được hưởng phần di sản mà anh Quang được hưởng do cha để lại.

Tình huống 63. Ông Tài viết một bản di chúc để phân tài sản cho người con là Minh, Nam, dự kiến là mỗi người sẽ được nhận $\frac{1}{2}$ số tài sản của ông và đã mang bản di chúc ra UBND xã xác nhận. Tuy nhiên, do thời gian vừa qua, biết được bố để lại một nửa số tài sản cho mình nên Minh có biểu hiện không chịu làm ăn, tụ tập cờ bạc suốt ngày đêm và nợ một số tiền, trong khi Nam thì vẫn chịu khó làm việc và ngày càng phát đạt. Ông Tài thấy vậy nên muốn sửa đổi nội dung chia tài sản cho hai con. Vậy ông Tài có thể đến UBND xã để sửa đổi di chúc mình đã viết không?

Trả lời:

Theo Điều 640 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc thì người lập di chúc có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đã lập vào bất cứ lúc nào. Trường hợp người lập di chúc bổ sung di chúc thì di chúc đã lập và phần bổ sung có hiệu lực pháp luật như nhau; nếu một phần của di chúc đã lập và phần bổ sung mâu thuẫn nhau thì chỉ phần bổ sung có hiệu lực pháp luật. Trường hợp người lập di chúc thay thế di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị hủy bỏ.

Như vậy ông Tài có thể ra lại Ủy ban nhân dân xã để sửa đổi nội dung di chúc của mình.

CHUYÊN ĐỀ 5: PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

Tình huống 64. Vì sợ con bị phân biệt, kỳ thị ở trường học khi bạn bè biết mẹ bị HIV/AIDS, nên chị Nhung đã giấu gia đình, kể cả khi bệnh đã chuyển sang giai đoạn AIDS mà chị vẫn từ chối khám chữa bệnh. Có ý kiến nói rằng chị Nhung phải bắt buộc chữa bệnh để phòng trừ lây nhiễm, nhưng cũng có ý kiến cho rằng chị Nhung có quyền được giữ bí mật riêng tư liên quan đến bệnh này.

Đề nghị cho biết quyền và nghĩa vụ của người nhiễm HIV được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 4 Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định cụ thể các quyền và nghĩa vụ của người nhiễm HIV. Cụ thể là:

1. Về quyền, người nhiễm HIV có quyền sống hòa nhập với cộng đồng và xã hội; được điều trị và chăm sóc sức khỏe; học văn hoá, học nghề, làm việc; được giữ bí mật riêng tư liên quan đến HIV/AIDS; từ chối khám bệnh, chữa bệnh khi đang điều trị bệnh AIDS trong giai đoạn cuối; các quyền khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Về nghĩa vụ, người nhiễm HIV có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm HIV sang người khác; thông báo kịp thời kết quả xét nghiệm HIV dương tính của mình cho vợ, chồng, người dự định kết hôn, người chung sống như vợ chồng với mình; thực hiện các quy định về điều trị khi tham gia điều trị bằng thuốc kháng HIV; các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tình huống 65. Đi họp tổ dân phố về, bà Dung thông báo phường đang triển khai chương trình xét nghiệm HIV miễn phí, mọi người trong gia đình nên đến trạm y tế để xét nghiệm HIV. Nghe xong, chồng và các con phản đối và cho rằng nếu đi khám có khi hàng xóm lại nghi ngờ nhà mình có người bị nhiễm HIV. Bà Dung giải thích đó là trách nhiệm của gia đình trong phòng, chống HIV. Theo bạn, ý kiến của bà Dung có đúng hay không?

Trả lời:

Ý kiến của bà Dung về việc xét nghiệm HIV để phòng, chống lây nhiễm là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Điều 13 Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định các gia đình có trách nhiệm phòng, chống HIV/AIDS tại gia đình. Các trách nhiệm cụ thể được quy định như sau:

- Thực hiện tuyên truyền, giáo dục cho các thành viên trong gia đình về phòng, chống HIV/AIDS, chủ động thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm HIV.

- Khuyến khích tự nguyện xét nghiệm HIV đối với người trước khi kết hôn, dự định có con, phụ nữ mang thai.

- Gia đình của người nhiễm HIV có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, động viên tinh thần giúp người nhiễm HIV sống hoà nhập với gia đình, cộng đồng và xã hội; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cộng đồng trong phòng, chống HIV/AIDS.

Tình huống 66. Gần nhà tôi có gia đình nhà anh An chuyên làm nghề sản xuất dây xích sắt với máy sản xuất công suất lớn gây ồn ào trong khu dân cư. Hàng ngày, máy sản xuất của gia đình anh An hoạt động từ 6 giờ sáng đến 22 giờ 30 phút. Nhiều lần tôi nhắc nhở gia đình anh An cho máy hoạt động muộn hơn 6 giờ sáng và dừng hoạt động trước 22 giờ hàng ngày, nhưng anh An vẫn làm ngơ trước những lời nhắc nhở của tôi. Nay, tôi làm đơn gửi lên Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú đề nghị xử lý. Vậy, tôi xin hỏi, theo quy định của pháp luật thì anh An có vi phạm pháp luật không? Nếu vi phạm thì mức xử phạt đối với anh An được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định: “*Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:*

a) *Gây tiếng động lớn, làm ồn ào, huyên náo tại khu dân cư, nơi công cộng trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau”.*

Đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi của anh An đã vi phạm pháp luật, tùy theo tính chất, mức độ, anh An có thể bị cơ quan có thẩm quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

Tình huống 67. Anh Xuân bị tòa án xét xử 3 năm tù về tội trộm cắp tài sản và được hoãn thi hành án phạt tù trong thời gian 3 tháng. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn hoãn thi hành án phạt tù, anh Xuân đã tự ý đi khỏi nơi cư trú mà không được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã và không có mặt tại nơi chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự nơi cư trú. Xin hỏi, theo quy định của pháp luật, anh Xuân có bị phạt tiền về hành vi này hay không?

Trả lời:

Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định: “*Phạt tiền từ 2.000.000 đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:*

a) Người được hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù đi khỏi nơi cư trú mà không được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc không có mặt tại nơi chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự nơi cư trú sau khi hết thời hạn hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù”.

Như vậy, anh Xuân bị cơ quan có thẩm quyền phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đi khỏi nơi cư trú mà không được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã và không có mặt tại nơi chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự nơi cư trú sau khi hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù.

Tình huống 68. Trong đêm đi cổ vũ, mừng đội tuyển bóng đá Việt Nam giành huy chương vàng Seagame, do hiếu động nên anh Quang đã tự ý xê dịch biển báo và biển chỉ dẫn giao thông đường bộ trên đường Nguyễn Trãi thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, anh Quang có thể bị xử phạt bao nhiêu tiền?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định: “Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tự ý xê dịch các loại biển báo, biển chỉ dẫn, biển hiệu của cơ quan, tổ chức”.

Đối chiếu với quy định nêu trên, anh Quang có thể bị cơ quan, người có thẩm quyền phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tự ý xê dịch biển báo và biển chỉ dẫn giao thông đường bộ trên đường Nguyễn Trãi thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tình huống 69. Khi biết tin anh Phúc nhiễm HIV, công ty đã sa thải vì cho rằng HIV là bệnh truyền nhiễm, nếu để anh Phúc tiếp tục làm việc sẽ gây tâm lý hoang mang, không thoải mái cho người lao động khác trong công ty. Lý do mà công ty đưa ra để sa thải người lao động có phù hợp hay không? Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của người sử dụng lao động trong thực hiện phòng, chống HIV/AIDS?

Trả lời:

Lý do mà công ty sa thải anh Phúc vì lý do nhiễm HIV là trái pháp luật. Điểm a khoản 2 Điều 14 Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì người sử dụng lao động không được chấm dứt hợp đồng lao động vì lý do người lao động nhiễm HIV.

Điều 14 Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động về phòng, chống HIV/AIDS tại nơi làm việc như sau:

- Tổ chức việc tuyên truyền, giáo dục các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS, chống kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV trong cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân.

- Bố trí công việc phù hợp với sức khỏe và trình độ chuyên môn của người lao động nhiễm HIV.

- Tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

- Các trách nhiệm khác về phòng, chống HIV/AIDS theo quy định của pháp luật.

Tình huống 70. Tại khu chung cư nơi tôi ở, cửa thoát nạn luôn bị khóa chặt. Thời gian gần đây nhiều khu chung cư trong thành phố nơi tôi ở đã xảy ra nhiều vụ cháy, vì vậy tôi rất lo lắng và nhiều lần nhắc nhở Ban quản lý khu chung cư nhưng Ban quản lý vẫn làm ngơ vì cho rằng khu chung cư này được thiết kế rộng rãi, từ trước đến nay luôn an toàn. Xin hỏi, theo quy định của pháp luật thì việc Ban quản lý khu chung cư nơi tôi ở khóa chặt cửa thoát nạn có bị xử phạt hành chính hay không?

Trả lời:

Khoản 4 Điều 38 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định: “Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi khóa, chèn, chặn cửa thoát nạn”.

Đồng thời, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, mức phạt tiền trên áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 02 (hai) lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Như vậy, Ban quản lý khu chung cư nơi bạn ở có thể bị cơ quan, người có thẩm quyền phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi khóa cửa thoát nạn của khu chung cư.

CHUYÊN ĐỀ 6: PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN GIAO THÔNG

Tình huống 71. Khu phố nhà Ngân có rất nhiều người chăn dắt súc vật đi ngang qua nhà. Trong quá trình di chuyển, những con vật này thải chất thải (phóng uế) ra đường, mà người chăn dắt không chịu dọn sạch. Có lần Ngân đã gặp Hùng dắt bò ra đồng nên đã nhắc nhở người này phải thu dọn chất thải của vật nuôi của mình nhưng người này tỏ ra thách thức và yêu cầu Ngân phải đưa ra được quy định của pháp luật về hành vi này là vi phạm thì sẽ không bao giờ thực hiện hành vi này nữa. Vậy pháp luật quy định hành vi của Hùng như thế nào?

Trả lời:

Việc anh Hùng không dọn sạch chất thải của súc vật thải ra đường, hè phố là vi phạm quy định về giao thông đường bộ. Cụ thể:

Điều 34 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

- Người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ phải cho súc vật đi sát mép đường và *bảo đảm vệ sinh trên đường*; trường hợp cần cho súc vật đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn.

- Không được dẫn dắt súc vật đi vào phần đường dành cho xe cơ giới.

Mức xử phạt đối với hành vi trên được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 10 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt như sau:

“Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

...

c) Không đủ dụng cụ đựng chất thải của súc vật hoặc không dọn sạch chất thải của súc vật thải ra đường, hè phố;”

Như vậy, anh Hùng dẫn dắt súc vật không đủ dụng cụ đựng chất thải của súc vật hoặc không dọn sạch chất thải của súc vật thải ra đường, hè phố thì sẽ bị phạt cảnh cáo từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng.

Tình huống 72. Trên đường đi làm về, anh Lâm bị sụp ổ gà. Mặc dù không bị thương nặng nhưng anh Lâm không thể đứng lên đi lại được nên đã nhờ đến sự giúp đỡ của những người xung quanh. Một số người đi qua nhìn thấy rồi bỏ đi mà không giúp đỡ. Vậy việc không giúp đỡ người bị tai nạn giao thông trên có vi phạm pháp luật không?

Trả lời:

Điều 38 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định như sau:

- Những người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây:
+ Bảo vệ hiện trường;
+ Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn;
+ Báo tin ngay cho cơ quan công an, y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;
+ Bảo vệ tài sản của người bị nạn;
+ Cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm chở người bị nạn đi cấp cứu. Các xe được quyền ưu tiên, xe chở người được hưởng quyền ưu đãi”.

Như vậy, hành vi của những người đi qua nhìn thấy anh Lâm bị tai nạn rồi bỏ đi mà không giúp đỡ là vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

Mức phạt đối với hành vi không giúp đỡ người bị tai nạn khi có yêu cầu được quy định tại điểm a Khoản 7 Điều 11 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi “Không cứu giúp người bị tai nạn giao thông khi có yêu cầu”.

Ngoài ra, nếu đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm thì hành vi trên cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tình huống 73. Anh Ánh đang điều khiển xe gắn máy đi trên đường. Đến đoạn đường giao cắt với ngõ nhỏ thì bị anh Bé điều khiển xe gắn máy khác đi từ ngõ ra đâm vào, xảy ra tai nạn. Trong vụ tai nạn này theo quy định pháp luật thuộc trách nhiệm thuộc về ai?

Trả lời:

Tại khoản 3 điều 24 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.

Đường chính: là đường bảo đảm giao thông chủ yếu trong khu vực.

Đường nhánh: là đường nối vào đường chính.

Đường ưu tiên là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông đường bộ được các phương tiện giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên.

Như vậy, với tình huống trên, nếu anh Ánh đang đi trên đường chính, gặp anh Bé điều khiển xe từ trong ngõ đâm vào, tai nạn xảy ra trách nhiệm thuộc về anh Bé.

Để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện xe cơ giới cần chú ý quan sát, giảm tốc độ tới mức an toàn tại nơi đường giao nhau, tránh xảy ra những tai nạn đáng tiếc.

Tình huống 74. Lợi dụng đêm tối, đường vắng, anh Dương và một số nam nữ thanh niên điều khiển xe mô tô rủ nhau đua xe, lạng lách, đánh võng gây mất trật tự công cộng, ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông trên đường phố. Lực lượng chức năng sau khi nắm được thông tin đã tiến hành quây bắt, ngăn chặn nhóm đối tượng trên. Hành vi của nhóm đối tượng sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Theo Khoản 6 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định hành vi “*Đua xe, cố vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng*” là một trong những hành vi bị nghiêm cấm.

Như vậy, hành vi của nhóm thanh niên trên đã vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông.

Tùy vào từng mức độ, hậu quả xảy ra của hành vi đua xe trái phép mà người vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc phải bị xử lý hình sự.

Về xử phạt vi phạm hành chính

Đối với việc xử phạt hành vi đua xe trái phép trên, Khoản 2 Điều 34 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định “Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người đua xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện trái phép”. Ngoài ra, người tham gia đua xe trái phép còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 3 tháng đến 5 tháng và tịch thu phương tiện (điểm b Khoản 4 Điều 34 Nghị định 100/2019/NĐ-CP).

Về truy cứu trách nhiệm hình sự

Hành vi đua xe trái phép có thể bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 266 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể:

“1. Người nào đua trái phép xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc Điều 265 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:
a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 1 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; b) Gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 1 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 2 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; đ) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn; e) Tham gia cá cược; g) Chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép; h) Tại nơi tập trung đông dân cư; i) Tháo dỡ thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua; k) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm: a) Làm chết 2 người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%; c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm: a) Làm chết 3 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”.

Tình huống 75. Mỗi năm 2 vụ, cứ vào mùa thu hoạch lúa thì trình trạng người dân tại xã X biến lòng lề đường thành sân phơi lúa diễn ra phổ biến, gây trở ngại, mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông, đặc biệt là những hành vi dùng gạch, đá xếp thành hàng trên đường ngăn không cho các phương tiện giao thông đi vào khu vực này. Nhằm nhắc nhở, vận động người dân không tiếp tục thực hiện hành vi này thì cần viện dẫn văn bản nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 35 Luật Giao thông đường bộ năm 2008: Lòng đường và hè phố chỉ được sử dụng cho mục đích giao thông. Trong một số trường hợp vẫn cho phép tổ chức một số hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội trên đường bộ. Trường hợp đặc biệt, việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố vào mục đích khác phải do UBND cấp tỉnh quy định nhưng không được làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông. Đặc biệt, nghiêm cấm các hành vi sau:

- Hẹp chợ, mua, bán hàng hóa trên đường bộ;
- Tụ tập đông người trái phép trên đường bộ;
- Thả rông súc vật trên đường bộ;

- Phơi thóc, lúa, rom rạ, nông sản hoặc đồ vật khác trên đường bộ;
- Đặt biển quảng cáo trên đất của đường bộ;
- Lắp đặt biển hiệu, biển quảng cáo hoặc thiết bị khác làm giảm sự chú ý, gây nhầm lẫn nội dung biển báo hiệu hoặc gây cản trở người tham gia giao thông;
- Che khuất biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông;
- Sử dụng bàn trượt, pa-tanh, các thiết bị tương tự trên phần đường xe chạy;
- Hành vi khác gây cản trở giao thông.

Việc người dân phơi lúa trên đường tiềm ẩn nguy cơ tai nạn rất cao. Tùy vào mức độ nguy hiểm và hậu quả gây ra thì có thể xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về mức xử phạt đối với hành vi trên, căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt như sau:

“1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

...

b) Phơi thóc, lúa, rom, rạ, nông, lâm, hải sản trên đường bộ; đặt máy tuốt lúa trên đường bộ.”

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thu dọn thóc, lúa, rom, rạ, nông, lâm, hải sản, thiết bị trên đường bộ.

Trường hợp vi phạm mà gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác thì người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội cản trở giao thông đường bộ tại Điều 261 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể như sau:

“1. Người nào đào, khoan, xẻ, san lấp trái phép công trình giao thông đường bộ; đặt, để, đổ trái phép vật liệu, phế thải, rác thải, vật sắc nhọn, chất gây trơn hoặc chướng ngại vật khác gây cản trở giao thông đường bộ; tháo dỡ, di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá hủy biển báo hiệu, đèn tín hiệu, cọc tiêu, gương cầu, dải phân cách hoặc thiết bị an toàn giao thông đường bộ khác; mở đường giao cắt trái phép qua đường bộ, đường có dải phân cách; sử dụng trái phép lề đường, hè phố, phần đường xe chạy, hành lang an toàn đường bộ hoặc vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây,

thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a) Làm chết người;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;
- d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Tại đèo, dốc, đường cao tốc hoặc đoạn đường nguy hiểm;
- b) Làm chết 02 người;
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;
- d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

- a) Làm chết 03 người trở lên;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;
- c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

4. Cản trở giao thông đường bộ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm.”.

Tình huống 76. Anh Khan là người thích tụ tập với bạn bè để ăn nhậu. Trong một lần tụ tập bạn bè mừng tân gia của một người bạn trong nhóm, do uống khá nhiều nên dù tửu lượng cao, Khan cũng cảm thấy chệnh choáng. Khan đã xin ngủ nhờ lại nhà Bằng cho tỉnh rượu. Sau khi ngủ lại khoảng 1 tiếng thấy mình đã bớt say, Khan liền lấy xe máy chạy về nhà. Khi lưu thông trên đường do còn hơi rượu trong người, Khan đã cởi mũ bảo hiểm đi cho thoáng. Đến ngã tư gần nhà, Khan bị công an giao thông giữ lại để xử phạt vì hành vi không đội mũ bảo hiểm. Thấy Khan có hơi rượu, công an đã yêu cầu Khan cho thử nồng độ cồn nhưng Khan không chấp hành vì cho rằng bản thân đã tỉnh rượu. Vậy theo quy định của pháp luật, trường hợp Khan sẽ được xử lý như thế nào?

Trả lời:

Trong trường hợp này Khan đã thực hiện 02 hành vi vi phạm pháp luật giao thông, cụ thể như sau:

- Hành vi thứ nhất, không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe máy (điểm i khoản 2 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt): “Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ”.

- Hành vi thứ hai, không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông (điểm g khoản 8 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt): “Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người thi hành công vụ”.

Đối với mỗi hành vi trên, Khan sẽ có mức xử phạt tương ứng cụ thể như sau:

- Đối với hành vi không đội mũ bảo hiểm, anh Khan sẽ bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng.

- Đối với hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông, anh Khan sẽ bị phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo căn cứ tại điểm g khoản 10 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, hành vi của anh Khan không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông, còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng./.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	2	
PHẦN I: LÝ THUYẾT		
Chuyên đề 1: Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	3	
Chuyên đề 2: Pháp lệnh Dân chủ ở xã, phường, thị trấn	8	
PHẦN II: TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT		13
Chuyên đề 1: Pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu bia	13	
Chuyên đề 2: Pháp luật về hôn nhân và gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình	19	
Chuyên đề 3: Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo	29	
Chuyên đề 4: Pháp luật về dân sự	33	
Chuyên đề 5: Pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội	53	
Chuyên đề 6: Pháp luật về an toàn giao thông	57	